

**XIN THAY VĂN BẢN NÀY
CHO VĂN BẢN ĐÃ GỬI TRƯỚC**

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

Số 100 - KH/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH

**tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025
và 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011 - 2025)**

Thực hiện Công văn số 07-CV/TBĐLĐ, ngày 28/11/2023 của Tiểu ban Điều lệ Đảng Đại hội XIV “*về hướng dẫn tổng kết, xây dựng báo cáo công tác xây dựng Đảng và việc thực hiện Điều lệ Đảng*”; Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với Cương lĩnh Chính trị (*bổ sung, phát triển năm 2011*) và các nguyên tắc của Đảng.
- Tổng kết từ cấp cơ sở, cấp trên cơ sở và cấp tỉnh; quá trình tổng kết cần phát huy dân chủ, trách nhiệm, trí tuệ của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên. Bám sát đề cương báo cáo tổng kết; kế thừa nội dung đã rõ, được thống nhất cao, đã khẳng định về lý luận và thực tiễn. Những nội dung còn ý kiến khác nhau hoặc chưa rõ thì nghiên cứu, thảo luận kỹ lưỡng, đề xuất, kiến nghị.
- Không thông tin, tuyên truyền nội dung, hoạt động liên quan đến tổng kết thực hiện Điều lệ Đảng; quản lý thông tin tài liệu theo quy định.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN TIẾN HÀNH

1. Nội dung

- Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc tổng kết từ cấp ủy cơ sở đến cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy 02 nội dung: Tổng kết công tác xây dựng Đảng 05 năm (2020 - 2025); Tổng kết 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng (2011 - 2025) và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng (*nếu có*).
- Quá trình tổng kết phải bám sát đề cương báo cáo tổng kết, các phụ lục, bảng biểu (*gửi kèm theo*) và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đánh giá khách quan, toàn diện kết quả công tác xây dựng Đảng 05 năm (2020 - 2025) và 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng (2011 - 2025), làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong giai đoạn mới và đề xuất, kiến nghị.

2. Phương pháp, thời gian tiến hành

2.1. Cấp cơ sở: Tổng hợp và gửi báo cáo tổng kết về cấp ủy cấp trên trực tiếp trước ngày **22/01/2024**.

2.2. Cấp trên cơ sở: Tổ chức hội nghị tổng kết ở ban thường vụ cấp ủy, hoàn thành tổng kết và gửi báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tổ Biên tập Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) trước ngày **05/02/2024**.

2.3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy: Gửi báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tổ Biên tập Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) trước ngày **05/02/2024**, nội dung cụ thể như sau:

- *Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy:* Tham mưu báo cáo kết quả thực hiện tại Điểm 1, 2, 3, 10, Mục I; Mục II, III, IV theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình về nội dung tổng kết công tác xây dựng Đảng 05 năm (2020 - 2025); toàn bộ nội dung tổng kết 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng (2011 - 2025) và đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng (nếu có).

- *Ban Tổ chức Tỉnh ủy:* Tham mưu báo cáo kết quả thực hiện tại Điểm 4, 5, 6, 10, Mục I; Mục II, III, IV theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình về nội dung tổng kết công tác xây dựng Đảng 05 năm (2020 - 2025); toàn bộ nội dung tổng kết 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng (2011 - 2025) và đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng; tổng hợp nội dung các biểu mẫu theo chức năng, nhiệm vụ.

- *Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy:* Tham mưu báo cáo kết quả thực hiện tại Điểm 7, 10, Mục I; Mục II, III, IV theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình về nội dung tổng kết công tác xây dựng Đảng 05 năm (2020 - 2025); toàn bộ nội dung tổng kết 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng (2011 - 2025) và đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng; tổng hợp nội dung các biểu mẫu theo chức năng, nhiệm vụ.

- *Ban Dân vận Tỉnh ủy:* Tham mưu báo cáo kết quả thực hiện tại Điểm 8, 10, Mục I; Mục II, III, IV theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình về nội dung tổng kết công tác xây dựng Đảng 05 năm (2020 - 2025); toàn bộ nội dung tổng kết 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng (2011 - 2025) và đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng; tổng hợp nội dung các biểu mẫu theo chức năng, nhiệm vụ.

- *Ban Nội chính Tỉnh ủy:* Tham mưu báo cáo kết quả thực hiện tại Điểm 9, 10, Mục I; Mục II, III, IV theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình về nội dung tổng kết công tác xây dựng Đảng 05 năm (2020 - 2025); toàn bộ nội dung tổng kết 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng (2011 - 2025) và đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng; tổng hợp nội dung các biểu mẫu theo chức năng, nhiệm vụ.

- *Văn phòng Tỉnh ủy:* Phối hợp tham mưu tổng hợp nội dung các biểu mẫu theo chức năng, nhiệm vụ.

2.4. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo việc tổng kết ở cấp ủy cấp trên cơ sở nơi được phân công phụ trách theo dõi địa bàn.

2.5. Cấp tỉnh: Tổ Biên tập Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng tổng hợp, hoàn thiện các dự thảo báo cáo, biểu mẫu trình Thường trực Tỉnh ủy trước ngày **28/02/2024**. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết, hoàn thiện báo cáo gửi về Tiểu ban Điều lệ Đảng Đại hội XIV (qua Ban Tổ chức Trung ương) trước ngày **15/3/2024**.

3. Về các biểu mẫu

3.1. Biểu thống kê phục vụ tổng kết thi hành Điều lệ Đảng (34 biểu):

- Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thống kê từ Biểu số 1 đến biểu số 11 (trừ biểu số 6, 9) gửi về Tổ Biên tập Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) trước ngày **05/02/2024**.

- Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thống kê từ Biểu số 12 đến Biểu số 34 gửi về Tổ Biên tập Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng (qua Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy) trước ngày **05/02/2024**.

3.2. Biểu thống kê phục vụ tổng kết xây dựng Đảng 2020 - 2025 (26 biểu):

- Văn phòng Tỉnh ủy thống kê Biểu 1, Ban Tổ chức Tỉnh ủy thống kê Biểu số 2.

- Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thống kê từ Biểu số 3 đến biểu số 24 và Biểu số 26, gửi về Tổ Biên tập Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) trước ngày **05/02/2024**.

- Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo thống kê: Biểu số 4, 12, 13, 14, 15, 17, 23, 26 gửi về Tổ Biên tập Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) trước ngày **05/02/2024**.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ Kế hoạch này, lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết ở cấp cơ sở và cấp mình, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định. Đồng chí bí thư cấp ủy chịu trách nhiệm chỉ đạo tổng kết và xây dựng báo cáo ở cấp mình; phân công các đồng chí trong thường trực, ban thường vụ cấp ủy theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn việc tổng kết ở cấp dưới.

2. Giao Tổ Biên tập Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng chủ trì, phân công các thành viên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, tham mưu Tỉnh ủy xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết và chuẩn bị các điều kiện tổ chức Hội nghị tổng kết ở cấp tỉnh, thảo luận, thông qua báo cáo trước ngày **10/3/2024**; hoàn chỉnh báo cáo gửi về Tiểu ban Điều lệ Đảng Đại hội XIV trước ngày **15/3/2024**.

3. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Tổ Biên tập Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng đề xuất thời gian tổ chức Hội nghị tổng kết của tỉnh trước ngày **10/3/2024**; sau Hội nghị tổng hợp, hoàn thiện dự thảo báo cáo, trình Thường trực Tỉnh ủy ký trước ngày **15/3/2024**.

4. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị trực tuyến hướng dẫn tổng kết, xây dựng Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025 và tổng kết việc thực hiện Điều lệ Đảng vào cuối tháng **12/2023** để tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Tiểu ban Điều lệ Đảng Đại hội XIV (báo cáo),
- Vụ III - Ban Tổ chức Trung ương,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy,
- Tổ Biên tập Tổng kết CT XDĐ
và thi hành Điều lệ Đảng
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH3.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Trần Đình Văn



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo về công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 100 -KH/TU, ngày 12/12/2023
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Phần mở đầu

- Khái quát về đặc điểm, tình hình (địa phương, cơ quan, đơn vị).
- Những thuận lợi, khó khăn tác động trực tiếp đến công tác xây dựng Đảng.

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; nghị quyết, chủ trương của Đảng có liên quan đến công tác xây dựng Đảng được ban hành, nhất là trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng và chức năng, nhiệm vụ để đánh giá kết quả công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020-2025, tập trung vào các nội dung sau:

1. Xây dựng Đảng về chính trị

- Việc kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; bảo vệ Hiến pháp và pháp luật.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng; giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng; lập trường, bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược.

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc, quy định; thực hành dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác hoạch định đường lối, chủ trương đáp ứng yêu cầu tình hình mới; năng lực dự báo và ứng phó với những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện; khắc phục yếu kém, hạn chế, né tránh trách nhiệm trong công tác lãnh đạo thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng.

- Nội dung khác có liên quan gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(Việc đánh giá nội dung này căn cứ gắn với Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018; Quy định số 85-QĐ/TW, ngày 07/10/2022 của Ban Bí thư về việc cán bộ đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên Internet, mạng xã hội và các văn bản của Đảng có liên quan ban hành trong nhiệm kỳ XIII và các Văn bản của Tỉnh, của cấp trên).

2. Xây dựng Đảng về tư tưởng

- Đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng, kết hợp giữa xây và chống, xây là cơ bản, chiến lược; bảo đảm tính đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính

thực tiễn, kịp thời và hiệu quả; nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Việc giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng; tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nhận thức, hành động trong Đảng và Nhân dân.

- Công tác dự báo, nắm tình hình tư tưởng; xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội bảo đảm sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu, độc.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, quản lý và định hướng hoạt động của các cơ quan báo chí; phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng; bảo đảm an ninh tư tưởng.

- Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, xây dựng cơ chế, chính sách đối với các cơ quan, đội ngũ cán bộ, chuyên gia đầu ngành làm công tác nghiên cứu lý luận. Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp, tăng cường hiệu quả hoạt động Trường chính trị, chất lượng giảng viên, báo cáo viên nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, gắn học tập lý luận với rèn luyện, thử thách trong thực tiễn.

- Nội dung khác có liên quan gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(Việc đánh giá nội dung này cần gắn với Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị và các văn bản của Đảng có liên quan ban hành trong nhiệm kỳ XIII và các Văn bản của Tỉnh, của cấp trên).

3. Xây dựng Đảng về đạo đức

- Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Kết luận Trung ương 4 khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện nghiêm các quy định nêu gương của Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

- Thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình; gợi ý kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân; kiểm tra việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm qua kiểm điểm.

- Nghiên cứu, hoàn thiện chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện, "tự soi", "tự sửa", nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên; biểu dương điển hình, tấm gương sáng; đấu tranh với biểu hiện lệch lạc, xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức, lối sống.

- Kết hợp giữa giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng, đề cao pháp luật của Nhà nước với giáo dục, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Tạo điều kiện cho các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Nội dung khác có liên quan gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(Việc đánh giá nội dung này cần gắn với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Kết luận Trung ương 4 khóa XIII; Chỉ thị số 05-CT/TW, Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị và các văn bản của Đảng có liên quan ban hành trong nhiệm kỳ XIII và các Văn bản của Tỉnh, của cấp trên).

4. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

- Nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu về thực hiện nghị quyết, chủ trương của Đảng trong việc đổi mới, sắp xếp, tinh gọn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc thể chế hóa, cụ thể hóa, kết quả sắp xếp mô hình tổ chức đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị theo ngành, lĩnh vực và những nơi có đặc điểm riêng; các đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công; đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; kết quả thực hiện một số mô hình thí điểm.

- Kết quả tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; hoàn thiện cơ chế lựa chọn, đánh giá, sàng lọc để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Nội dung khác có liên quan gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(Việc đánh giá nội dung này cần gắn với Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015, Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023, Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023; Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022, Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022, Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022, Quyết định số 71-QĐ/TW ngày 18/7/2022, Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị; các văn bản của Đảng có liên quan ban hành trong nhiệm kỳ XIII và các Văn bản của Tỉnh, của cấp trên).

5. Cùng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

- Việc kiện toàn tổ chức cơ sở đảng phù hợp với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở, nhất là ở xã, phường, thị trấn. Rà soát, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, quy chế làm việc của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, nhất là bí thư cấp ủy.

- Kết quả thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng của cơ quan, đơn vị; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm; kiểm tra, giám sát, xử lý tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Kết quả thi điểm tổ chức sinh hoạt đảng đối với cơ sở đảng có tính chất đặc thù, hoàn cảnh đặc biệt.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, thực hiện các mục tiêu về kết nạp Đảng; phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp Đảng đối với đoàn viên ưu tú, trưởng thành trong lao động, học tập, trong lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên, công nhân, trí thức, doanh nhân... Nâng cao chất lượng đảng viên ở miền núi, biên giới, hải đảo.

- Công tác quản lý đảng viên, rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

- Nội dung khác có liên quan gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(Việc đánh giá nội dung này cần gắn với Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII; Quy định số 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị; Hướng dẫn số 03-HD/TW ngày 27/12/2022 của Ban Bí thư và các văn bản của Đảng có liên quan ban hành trong nhiệm kỳ XIII và các Văn bản của Tỉnh, của cấp trên).

6. Xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác bảo vệ chính trị nội bộ

- Hoàn thiện thể chế Đảng lãnh đạo công tác cán bộ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính; kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Thực hiện chủ trương của Đảng về công tác cán bộ: đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; phát hiện, lựa chọn, thu hút, trọng dụng nhân tài; khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; miễn nhiệm, thay thế những cán bộ bị kỷ luật, phẩm chất, năng lực, uy tín giảm sút; công tác cán bộ trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phản từ cơ hội, bất mãn chính trị; bảo vệ Đảng, cán bộ, đảng viên; bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc. Đấu tranh, xử lý cán bộ có động cơ sai trái, xuyên tạc, kích động, gây mất đoàn kết nội bộ.

- Nội dung khác có liên quan gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(Việc đánh giá nội dung này cần gắn với Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021, Quy định số 65-QĐ/TW ngày 28/4/2022, Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022, Quy định số 41-QĐ/TW ngày 01/11/2021, Quy định số 58-QĐ/TW ngày 08/2/2022, Quy định số 96-QĐ/TW ngày 02/2/2023, Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023, Kết luận số 08-KL/TW ngày 15/6/2021; Quy định số 57-QĐ/TW ngày 08/02/2022, Kết luận số 27-KL/TW ngày 21/02/2022 của Ban Bí thư và các văn bản của Đảng có liên quan ban hành trong nhiệm kỳ XIII và các Văn bản của Tỉnh, của cấp trên).

7. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

- Hoàn thiện quy định, quy chế, quy trình, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng bảo đảm khách quan, dân chủ, đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, khả thi. Kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Việc tự kiểm tra, nắm tình hình, dự báo, phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm từ sớm, từ xa.

- Công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng có nhiều bức xúc, dư luận xã hội quan tâm; việc kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, kiểm tra đột xuất và kiểm tra dấu hiệu vi phạm; kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới.

- Phối hợp công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật; phối hợp giám sát của Đảng với giám sát của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Nội dung khác có liên quan gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(Việc đánh giá nội dung này cần gắn với Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương; Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/4/2022, Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022, Quy định số 131-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị và các văn bản của Đảng có liên quan ban hành trong nhiệm kỳ XIII và các Văn bản của Tỉnh, của cấp trên).

8. Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

- Nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, hệ thống chính trị về công tác dân vận; việc phát huy vai trò của Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Việc cụ thể hóa, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về công tác dân vận; phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; xây dựng cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ.

- Phối hợp thực hiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác dân vận.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, đồng bào Việt Nam ở nước ngoài.

- Nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; đa dạng hóa hình thức tổ chức và phương thức tập hợp, vận động, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân và quan tâm chăm lo đời sống của nhân dân; thực hiện dân chủ ở cơ sở; công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết kiến nghị của Nhân dân và xử lý các vấn đề bức xúc liên quan đến đời sống nhân dân, các vụ khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài.

- Nội dung khác có liên quan gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(Việc đánh giá nội dung này cần gắn với Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Kết luận số 43-KL/TW; Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 26/10/2022, Kết luận số 114-KL/TW, ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư và các văn bản của Đảng có liên quan ban hành trong nhiệm kỳ XIII và các Văn bản của Tỉnh, của cấp trên).

9. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- Quán triệt, triển khai thực hiện chủ trương, nghị quyết, Chiến lược quốc gia về phòng chống tham nhũng; kết hợp giữa phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm. Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, coi đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kiểm soát quyền lực trong các cơ quan tham gia công tác này.

- Thực hiện đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; phát hiện, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng.

- Kết quả nổi bật trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thu hồi tài sản tham nhũng, nhất là những vụ án tham nhũng, tiêu cực lớn, đặc biệt nghiêm trọng, tồn đọng đã lâu, xảy ra trên diện rộng.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả phối hợp và xây dựng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương.

- Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Nội dung khác có liên quan gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(Việc đánh giá nội dung này cần gắn với Thông báo Kết luận số 12-KL/TW, ngày 06/4/2022, Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị, Quy định số 67-QĐ/TW, ngày 02/6/2022 của Ban Bí thư và các văn bản của Đảng có liên quan ban hành trong nhiệm kỳ XIII và các Văn bản của Tỉnh, của cấp trên).

10. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng trong việc nâng cao năng lực dự báo, tầm nhìn trong hoạch định đường lối, chính sách, ban hành văn bản, năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa, lãnh đạo tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng.

- Nâng cao chất lượng công tác lập pháp, quản lý nhà nước, cải cách tư pháp, cải cách hành chính; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, cụ thể hóa tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, trách nhiệm người đứng đầu.

- Công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận của Nhân dân trong tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong công tác kiểm tra, giám sát; kỷ luật đảng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiểm soát quyền lực.

- Cải cách hành chính trong Đảng; đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu và kết nối thông tin.

- Nội dung khác có liên quan gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(Việc đánh giá nội dung này cần gắn với Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương; Kết luận số 54-KL/TW ngày 09/5/2023 của Ban Bí thư và các văn bản của Đảng có liên quan ban hành trong nhiệm kỳ XIII).

II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ

1. Đối với Nghị quyết của Trung ương

Đánh giá kết quả thực hiện 03 nhiệm vụ trọng tâm: (1) Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, tự diễn biến, tự chuyển hóa; (2) Xây dựng đội ngũ cán bộ; (3) Xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện 03 đột phá: (1) Hoàn thiện thể chế liên quan đến xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; (2) Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đổi mới sáng tạo; (3) Đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực; phân cấp, phân quyền; kiểm tra, giám sát; kiểm soát quyền lực.

2. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI¹

Đánh giá kết quả thực hiện 04 khâu đột phá: (1) Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử; (2) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, nền kinh tế số; tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo; phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (3) Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, minh bạch, bình đẳng, tạo đột phá mới trong phát triển kinh tế - xã hội; phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại; phát triển du lịch chất lượng cao; (4) Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng đô thị, giao thông, du lịch, công nghệ thông tin - truyền thông, mạng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng số ... gắn với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân

- Đánh giá khái quát về những chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng Đảng so với nhiệm kỳ trước.

- Những kết quả nổi bật trong công tác xây dựng Đảng.

Nguyên nhân (khách quan và chủ quan)

- Về đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, thống nhất ý chí, hành động và quyết tâm chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng.

- Về sự đoàn kết, đổi mới, chủ động, sáng tạo và ý thức kỷ luật, kỷ cương trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

- Về trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.

- Nguyên nhân khác.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

Đánh giá khái quát, nêu bật hạn chế, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Nguyên nhân (khách quan và chủ quan)

- Về nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đối với tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn mới.

- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy, tổ chức đảng.

- Về chấp hành nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy viên và cán bộ lãnh đạo, quản lý.

¹ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 03/11/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI.

- Về các cơ quan tham mưu công tác xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Nguyên nhân khác.

3. Bài học kinh nghiệm

(1) Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng; kiên định, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn ở địa phương, cơ quan, đơn vị; giữ vững và thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng. Coi trọng công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận.

(2) Về đoàn kết, thống nhất nhận thức, ý chí và quyết tâm hành động trong Đảng; chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là việc làm thường xuyên, liên tục, xác định từng nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong từng giai đoạn nhất định.

(3) Về sự lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

(4) Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của từng cán bộ, đảng viên trong tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, nhận thức sâu sắc về trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân.

(5) Quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng.

(6) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

(7) Bài học kinh nghiệm khác.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ 2025 -2030

Dự báo bối cảnh, các yếu tố tác động đến công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ tới (*thuận lợi, khó khăn*).

1. Phương hướng

- Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng.

- Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả, tạo sự chuyển biến trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, cơ sở đảng và đảng viên, kiểm tra, giám sát, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, công tác dân vận, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

Trên cơ sở kết quả công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025, các cấp ủy nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng nhiệm kỳ tới phù hợp với thực tiễn địa phương, đơn vị, cụ thể như sau:

- 2.1. Xây dựng Đảng về chính trị
- 2.2. Xây dựng Đảng về tư tưởng
- 2.3. Xây dựng Đảng về đạo đức
- 2.4. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị
- 2.5. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên
- 2.6. Công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ
- 2.7. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng
- 2.8. Công tác dân vận và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng
- 2.9. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực
- 2.10. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

3. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá

Từ thực tế công tác lãnh đạo, chỉ đạo của địa phương, cơ quan, đơn vị, các cấp ủy, tổ chức đảng đề xuất nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp đột phá trong công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ tới.

Đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh xây dựng Báo cáo theo Đề cương này và gửi kèm theo: (1) Phụ lục: Mô hình, cách làm hiệu quả trong công tác xây dựng Đảng (*Thống kê theo từng nội dung trong công tác xây dựng Đảng*); (2) Hệ thống mẫu biểu số liệu.



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011 - 2025)

(Kèm theo Kế hoạch số 100 - KH/TU, ngày 12/12/2023
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Phần mở đầu

Khái quát về đặc điểm, tình hình; những thuận lợi, hạn chế, khó khăn, thách thức chủ yếu tác động đến công tác thi hành Điều lệ Đảng trong 15 năm (2011 - 2025).

A. KẾT QUẢ

Cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ chức năng, nhiệm vụ, đánh giá kết quả công tác thi hành Điều lệ Đảng, tập trung vào các nội dung sau:

I. Công tác quán triệt, cụ thể hóa Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng

1. Quán triệt

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng trong quán triệt Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng; kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc (nếu số liệu cụ thể).

- Nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong thực hiện Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.

2. Cụ thể hóa, triển khai thực hiện

- Tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cụ thể hóa Điều lệ Đảng và ban hành các quy định, hướng dẫn theo thẩm quyền.

- Ban hành văn bản của các cấp ủy, tổ chức đảng để thi hành Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng và các văn bản có liên quan.

- Đánh giá tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất, khả thi, phù hợp của văn bản cụ thể hóa; các nội dung chưa thực hiện được, khó thực hiện, thực hiện không hiệu quả hoặc không còn phù hợp với thực tế... của văn bản cụ thể hóa Điều lệ Đảng của Trung ương, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Những nội dung chưa hoặc chậm cụ thể hóa.

II. Kết quả thi hành Điều lệ Đảng

Đánh giá toàn diện, sâu sắc kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, bất cập (có số liệu, phụ lục cụ thể); nguyên nhân đạt được, hạn chế trong thi hành Điều lệ Đảng; đề xuất, kiến nghị nội dung cần nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi sát với thực tiễn, yêu cầu của tình hình mới.

1. Phần mở đầu (Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng)

Việc thực hiện từng vấn đề: tôn chỉ, mục đích, bản chất giai cấp, nguyên tắc, tổ chức, nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động... của Đảng.

2. Về đảng viên (Chương I)

- Tiêu chuẩn của đảng viên và điều kiện để được xét kết nạp vào Đảng;
- Quyền, nhiệm vụ của đảng viên, đảng viên dự bị;

- Thủ tục, quy trình, thẩm quyền kết nạp đảng viên, kết nạp lại; kết nạp đảng ở những nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu người vào Đảng; kết nạp người dân tộc và người theo đạo và một số đối tượng đặc thù khác; kết nạp đảng trong Quân đội, Công an, doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước; kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng; kết nạp đảng viên trong học sinh, sinh viên...

- Thời gian dự bị, tuổi đảng, đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật khiển trách, cảnh cáo trong thời gian dự bị, đảng viên đi làm ăn xa...

- Thủ tục, thẩm quyền, quy trình xét, công nhận đảng viên chính thức; xóa tên đảng viên; cho đảng viên ra khỏi Đảng.

- Phát, quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng.

- Giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng cho đảng viên tuổi cao, sức yếu.

- Chế độ sinh hoạt đảng định kỳ của đảng viên.

3. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng (Chương II)

- Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ (về thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; về trách nhiệm của cấp ủy trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới; về chấp hành nghị quyết của Đảng; về thiêu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức; về nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo; ý kiến của thành viên cơ quan lãnh đạo; quyền bảo lưu ý kiến; về thực hiện tự phê bình và phê bình...).

- Lập tổ chức của Đảng tương ứng với tổ chức hành chính của Nhà nước; tổ chức cơ sở đảng tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc đơn vị công tác; tổ chức ở những nơi có đặc điểm riêng; việc quyết định lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc...

- Quy định về bầu cử trong Đảng.

- Về đại hội đảng: Đại biểu dự đại hội, cấp ủy viên, đoàn chủ tịch, bầu cử; về cấp ủy và cấp ủy viên khóa mới¹...

- Tổ chức, hoạt động và mối quan hệ công tác của các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy.

4. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương (Chương III)

- Về Đại hội đại biểu toàn quốc (các nội dung của Đại hội; đại biểu đại hội; số lượng ủy viên chính thức, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương; việc xem xét chuyển Ủy viên Trung ương dự khuyết để thay thế Ủy viên Trung ương chính thức khi khuyết).

¹ Như: Việc nhận bàn giao và điều hành công việc của cấp ủy khóa mới; thẩm quyền bổ sung cấp ủy viên thiếu và chỉ định tăng thêm cấp ủy viên; thẩm quyền điều động cấp ủy viên và tỷ lệ cấp ủy viên tối đa được điều động trong tổng số cấp ủy viên do đại hội bầu; thẩm quyền, thủ tục cho cấp ủy viên xin rút khỏi cấp ủy, cho thôi cấp ủy viên; việc ủy viên Ban Chấp hành Trung ương thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương; việc chỉ định cấp ủy viên ở những tổ chức đảng được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ; việc chỉ định cấp ủy viên đối với tổ chức đảng không thể tổ chức đại hội được...

- Nhiệm vụ, thẩm quyền của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ; thẩm quyền quyết định chỉ đạo thi điểm một số chủ trương mới; việc bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; nhiệm vụ lãnh đạo kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị trong nhiệm kỳ; nhiệm vụ của Ban Bí thư trong lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng; công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng...).

5. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp địa phương (Chương IV)

- Về đại hội đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện: Nội dung của đại hội; đại biểu dự đại hội; số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và ủy viên ủy ban kiểm tra từng cấp...

- Nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy, bí thư cấp ủy; quy chế làm việc và chế độ sinh hoạt của từng tổ chức.

6. Về tổ chức cơ sở đảng (Chương V)

- Vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng; nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng².

- Đại hội cấp cơ sở; số lượng cấp ủy viên của đảng bộ cơ sở.

- Số lượng đảng viên tối thiểu để lập đảng bộ cơ sở; lập cơ cấu tổ chức ở các tổ chức đảng có đặc điểm khác nhau³.

- Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của đảng bộ bộ phận.

- Chế độ sinh hoạt của chi ủy, chi bộ, đảng ủy, đảng bộ cơ sở.

- Hình thức sinh hoạt chi bộ, nhất là ở các chi bộ có đông đảng viên, có đảng viên hoạt động phân tán...

- Nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận; ủy quyền cho đảng ủy cơ sở được quyết định kết nạp, khai trừ đảng viên.

7. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam (Chương VI)

- Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội, Công an.

- Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

- Hệ thống tổ chức đảng trong Quân đội và Công an từ Trung ương đến cơ sở.

- Cơ chế lãnh đạo song trùng đối với tổ chức đảng quân sự địa phương và công an địa phương.

² Như: Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về mọi mặt; lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh; liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng

³ Như: Lập đảng bộ cơ sở trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên; lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở có hơn ba mươi đảng viên; lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở...

8. Về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp (Chương VII)

- Chức năng, nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp⁴; xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra các cấp.

9. Về khen thưởng, kỷ luật (Chương VIII)

- Thẩm quyền, tiêu chuẩn, đối tượng, thủ tục, giá trị tặng phẩm và các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên.

- Hình thức kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên; tình hình thi hành kỷ luật và việc chấp hành kỷ luật đảng; thi hành kỷ luật đối với đảng viên giữ chức vụ và đảng viên không giữ chức vụ có cùng mức độ, hành vi vi phạm; thẩm quyền, quy trình, thủ tục thi hành kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; khiếu nại và thẩm quyền giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng; tính thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng và kỷ luật của Nhà nước, kỷ luật của đoàn thể.

- Hình thức khai trừ ra khỏi Đảng đối với đảng viên phạm tội hình sự.

- Lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên khi tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán; thời hạn để bổ nhiệm, giới thiệu vào cấp ủy đối với đảng viên bị kỷ luật cách chức.

10. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Chương IX)

- Tổ chức đảng trong cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội lãnh đạo cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành văn bản pháp luật của Nhà nước, văn bản của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Mô hình tổ chức và mối quan hệ của đảng đoàn, ban cán sự đảng với cấp ủy đảng trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương và cấp tỉnh.

11. Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Chương X)

- Cấp ủy đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ.

- Về việc đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn.

⁴ Như: Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp, tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm và giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý, tổ chức đảng cấp dưới về những nội dung theo quy định; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật; giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng; kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp...

12. Về tài chính của Đảng (Chương XI)

- Nguồn thu từ đảng phí và mức đóng đảng phí của đảng viên; nguồn thu từ kinh tế đảng (doanh nghiệp của Đảng, các đơn vị sự nghiệp của Đảng...).
- Ngân sách Nhà nước, các nguồn thu khác; quản lý tài chính, tài sản của Đảng.
- Việc báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của các cấp ủy.

III. Đánh giá chung

1. Mặt được

- Về nhận thức đối với thực hiện Điều lệ Đảng, quán triệt Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.
- Về cụ thể hóa Điều lệ Đảng.
- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trong tổ chức thi hành Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng tại cấp ủy, tổ chức đảng.
- Về kết quả thi hành Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng tại cấp ủy, tổ chức đảng.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan.
- Nguyên nhân chủ quan.

4. Một số bài học kinh nghiệm

B. ĐỀ XUẤT BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG (NẾU CÓ)

Việc đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng phải đảm bảo các quan điểm, nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; kiên định Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, phù hợp với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013.

2. Kế thừa, giữ vững nội dung có tính nguyên tắc, bản chất của Đảng. Những nội dung đã rõ, thực tế chứng minh là đúng, được đồng thuận, thống nhất cao thì nghiên cứu, đề xuất bổ sung, sửa đổi phù hợp. Những vấn đề còn ý kiến khác nhau hoặc còn chưa rõ thì tiếp tục nghiên cứu hoặc đề xuất nghiên cứu làm thí điểm.

Lưu ý: Tiểu ban Điều lệ Đảng gửi kèm 01 Phụ lục, trong đó nêu một số nội dung góp ý của cấp ủy, tổ chức đảng trong quá trình tổng kết thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ 2011 - 2016, 2016 - 2021 và tổng hợp kết quả, kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng của các cơ quan của Đảng ở Trung ương để các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tham khảo, nghiên cứu và yêu cầu nội dung liên quan đến tổng kết Điều lệ Đảng không thông tin, tuyên truyền; quản lý, bảo mật thông tin, tài liệu theo quy định (Phụ lục kèm theo).



PHỤ LỤC

(Tiểu ban Điều lệ Đảng gửi kèm một số nội dung trong quá trình tổng kết thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ 2011 - 2016, nhiệm kỳ 2016 - 2021 để các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tiếp tục nghiên cứu, tham khảo và bảo mật thông tin theo quy định)

1. Về Phần mở đầu

(1) Nghiên cứu thay cụm từ “các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật” vào câu cuối trong Khoản 5.

(2) Bổ sung cụm từ “đạo đức”, “cán bộ” vào nội dung khoản cuối.

2. Về tổ chức cơ sở đảng, đảng viên

(1) Tuổi kết nạp đảng viên, về điều kiện học vấn của người được kết nạp vào Đảng.

(2) Về việc tăng thời gian dự bị đối với đảng viên dự bị bị kỷ luật.

(3) Việc thống nhất quy định tuổi đảng của đảng viên và thời gian dự bị tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp.

(4) Về bổ sung quyền khiếu nại liên quan đến quyền lợi của đảng viên, tố cáo của đảng viên đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm Cương lĩnh, Điều lệ Đảng.

(5) Về việc điều chỉnh nhiệm kỳ của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở tương tự như nhiệm kỳ của tổ chức cơ sở đảng (5 năm).

(6) Đề nghị tổ chức cơ sở đảng có dưới 50 đảng viên, lập chi bộ cơ sở.

(7) Khoản 5, Điều 23, biên tập lại như sau: “Kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước”.

(8) Thay cụm từ “các ban của cấp ủy đảng” bằng cụm từ “các ban của đảng ở Trung ương và địa phương” tại Khoản 3 Điều 25.

3. Về nguyên tắc tổ chức và hệ thống tổ chức của đảng

(1) Tiếp thu những nội dung cơ bản của Quy chế bầu cử thành 1 điều mới trong Điều lệ Đảng: (i) Cấp ủy triệu tập đại hội có trách nhiệm chuẩn bị nhân sự cấp ủy khóa mới. Danh sách ứng cử viên do cấp ủy triệu tập đại hội chuẩn bị là danh sách đề cử chính thức với đại hội. (ii) Cấp ủy viên cấp triệu tập đại hội không được đề cử nhân sự ngoài danh sách do cấp ủy đề cử; không được ứng cử và nhận đề cử nếu không có tên trong danh sách đề cử của cấp ủy.

(2) Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng.

4. Về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

(1) Khoản 1, Điều 31, bổ sung cụm từ “*được lập từ đảng bộ cơ sở trở lên*” sau cụm từ “*Ủy ban kiểm tra các cấp*”.

(2) Khoản 2, khoản 3 Điều 32, biên tập lại như sau: “Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

Giám sát đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp và tổ chức đảng cấp dưới trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạo đức lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương”.

(3) Về việc chỉ định ủy ban kiểm tra trong trường hợp tổ chức đảng chia tách, sáp nhập.

5. Về khen thưởng, kỷ luật đảng

(1) Đề nghị biên tập lại Điều 36 như sau:

“- Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ do chi bộ giao.

- Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp nhưng không phải là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và cấp trên.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”.

(2) Đề nghị biên tập lại Khoản 1 Điều 37 như sau: “Cấp ủy cấp trên trực tiếp hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương trở lên quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới”; hoặc bổ sung cụm từ “Ủy ban kiểm tra có thẩm quyền kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng trực thuộc sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp dưới trực tiếp”.

(3) Đề nghị biên tập lại khoản 3 Điều 38 như sau: “Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định”

(4) Đề nghị biên tập lại các khoản 5, 7, 9 Điều 39 như sau:

“Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do tổ chức đảng quyết định kỷ luật quyết định.

Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định: tổ chức đảng bị kỷ luật bằng hình thức giải tán, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương; tổ chức đảng bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, đảng viên bị kỷ luật bằng các hình thức từ khiển trách đến cách chức có quyền khiếu nại đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cách cấp đã giải quyết kỷ luật hai cấp; trường hợp đảng viên bị kỷ luật từ khiển trách đến khai trừ do Ủy ban Kiểm tra Trung ương trở lên quyết định thì có quyền khiếu nại đến Ban Chấp hành Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương”

Trong khi chờ giải quyết khiếu nại tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với mình”.

(5) Đề nghị biên tập lại khoản 3, khoản 4 Điều 40 như sau:

“Đảng viên bị kỷ luật từ khiển trách đến cách chức, trong vòng 1 năm kể từ ngày công bố quyết định, không được bầu vào cấp ủy, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

Việc đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ chức vụ của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng và việc quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt đảng, trở lại đảm nhiệm chức vụ, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt cấp ủy và tổ chức đảng hoạt động trở lại phải được cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương”.

6. Một số nội dung khác:

(1) Đề nghị bổ sung hình thức kỷ luật “khai trừ lưu đảng” đối với đảng viên.

(2) Về nhiệm kỳ đại hội trong điều kiện đặc biệt: “Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hơn hoặc muộn hơn nhưng không quá một năm; trường hợp đặc biệt giao Ban Chấp hành Trung ương quyết định”.

(3) Bổ sung quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của đại biểu đại hội đảng bộ các cấp thực hiện trong suốt nhiệm kỳ.

(4) Bổ sung một chương riêng quy định về Đảng lãnh đạo tổ chức công đoàn.

(5) Bổ sung một khoản mới vào Điều 41 nội dung: “Đảng thống nhất lãnh đạo công tác xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị”.

(6) Những chủ trương thí điểm của Trung ương liên quan đến một số quy định của Điều lệ Đảng (sinh hoạt trực tuyến, sinh hoạt tổ đảng, đảng viên làm kinh tế tư nhân...).

(7) Bổ sung đặt tên cho các Điều của Điều lệ Đảng.

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG VĂN BẢN VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG
ĐẢNG DO CẤP ỦY CẤP TỈNH BAN HÀNH
Nhiệm kỳ 2020 - 2025***

Biểu số 1

TT	Thể loại văn bản	Số lượng
Tổng số văn bản		
1	Nghị quyết	
2	Quyết định	
3	Chỉ thị	
4	Kết luận	
5	Quy chế	
6	Quy định	
7	Thông báo	
8	Hướng dẫn	
9	Chương trình	
10	Kế hoạch	
11	Đề án	
12	Văn bản khác	

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025 để trình Hội nghị Trung ương và Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG
ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ
Nhiệm kỳ 2020 - 2025**

Biểu số 2

STT	Loại hình	Số lượng đảng bộ	
		31/12/2020	31/12/2023*
1	Quận		
2	Huyện		
3	Thị xã		
4	Thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố		
5	Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh, thành phố		
6	Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh, thành phố		
7	Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, thành phố		
8	Quân sự		
9	Biên phòng		
10	Công an		
11	Đảng bộ khác**		
	Tổng cộng		

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

(**) Đảng bộ khác: ghi rõ tên đảng bộ

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG Ở CƠ SỞ VÀ ĐẢNG VIÊN
Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Biểu số 3

[illegible]

Loại hình	Số đơn vị hành chính, tổ chức, cơ quan, đơn vị		Số tổ chức cơ sở đảng			Tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở		Tổng số đảng viên	
	Số lượng	Trong đó: số chưa có tổ chức đảng	Tổng số	Chứa ra		Chứa ra			
				Đảng bộ mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở	Đảng bộ bộ phận		Chi bộ trực thuộc**
1	2	3	4 (=3+6+7)	5	6	7	8	9	10
9. Doanh nghiệp và hợp tác xã									
a) Doanh nghiệp có vốn Nhà nước									
- NN nắm giữ 100% vốn điều lệ									
- NN nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên									
- NN nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ									
b) Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước									
- Công ty Cổ phần									
- Doanh nghiệp tư nhân									
- Công ty trách nhiệm hữu hạn									
- Công ty hợp danh									
- Công ty có vốn đầu tư nước ngoài									
Trong đó: 100% vốn đầu tư nước ngoài									
c) Hợp tác xã									
10. Tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước									
11. Cơ sở khác									
Cộng (1+....+11)									

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.
(**) Chi bộ trực thuộc: Gồm chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và đảng ủy bộ phận

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ
KẾT QUẢ KIẾN TOÀN, SẮP XẾP TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG
Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Biểu số 4

TT	Tiêu chí	Số TCCSĐ tính đến 31/12/2020	Số TCCSĐ tính đến 31/12/2023*		
			Tổng số	Trong đó	
				Thành lập mới (bao gồm cả hợp nhất, sáp nhập)	Giải thể
1	Xã, phường, thị trấn				
2	Cơ quan hành chính				
2	Đơn vị sự nghiệp				
3	Quân đội				
3	Công an				
4	Doanh nghiệp				
4	Hợp tác xã				
5	Ngoài nước				
5	Khác				
TỔNG CỘNG					

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

**THÔNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN
TRỰC THUỘC ĐẢNG ỦY CƠ SỞ CẤP XÃ**

Biểu số 5

TT	Tiêu chí	Thời điểm	
		31/12/2020	31/12/2023*
1	Số thôn, tổ dân phố		
	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		
	Số chi bộ sinh hoạt ghép		
2	Số bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố		
	Số kiêm trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố		
	Số kiêm trưởng ban công tác Mặt trận		
	Số kiêm cả trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố và trưởng ban công tác mặt trận		
	Số kiêm nhiệm chức danh khác		
3	Số trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố		
	Số chưa là đảng viên		
4	Số trường tiểu học và THCS		
	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		
5	Số trạm y tế		
	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		
6	Số doanh nghiệp		
	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN**Biểu số 6**

TT	Tiêu chí	Thời điểm	
		31/12/2020	31/12/2023*
1	Số lượng		
	- Nữ		
	- Dự bị		
	- Dân tộc thiểu số		
	- Người theo tôn giáo		
	- Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh		
	- Chủ doanh nghiệp tư nhân		
	- Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài		
	- Cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước tính từ cấp huyện trở lên		
	- Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tính từ cấp huyện		
	- Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn		
	- Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố, bản (ấp, khóm)		
	- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập		
	- Người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		
	- Lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp, chia ra:		
	+ Người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp		
	+ Nhân viên, người gián tiếp sản xuất		
	+ Công nhân, lao động trực tiếp sản xuất		
	- Người làm nông, lâm, ngư nghiệp		
	- Sĩ quan, chiến sỹ quân đội, công an (lực lượng vũ trang)		
	- Sinh viên		
	- Học sinh		
	- Đã nghỉ hưu và nghỉ công tác		
	- Được miễn công tác và sinh hoạt đảng		
2	Tuổi đời		
	18 đến 30 tuổi		
	31 đến 40 tuổi		
	41 đến 50 tuổi		
	51 đến 60 tuổi		
	61 tuổi trở lên		
	Tuổi bình quân		
3	Trình độ học vấn		
	Biết chữ Quốc ngữ		
	Tiểu học		
	Trung học cơ sở		

TT	Tiêu chí	Thời điểm	
		31/12/2020	31/12/2023*
	Trung học phổ thông		
4	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ		
	Công nhân kỹ thuật, nhân viên, chưa qua đào tạo		
	Sơ cấp		
	Trung cấp		
	Cao đẳng		
	Đại học		
	Thạc sỹ		
	Tiến sỹ		
	Trình độ khác		
5	Trình độ lý luận chính trị		
	Sơ cấp		
	Trung cấp		
	Cao cấp, cử nhân		

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP**Biểu số 7**

TT	Tiêu chí	Thời điểm	
		31/12/2020	31/12/2023*
1	Số lượng		
	- Nữ		
	- Dân tộc thiểu số		
	- Người theo tôn giáo		
	- Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh		
	- Chủ doanh nghiệp tư nhân		
	- Quản chúng vi phạm chính sách KHHGD		
	- Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài		
	- Kết nạp lại		
	- Cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước tính từ cấp huyện trở lên		
	- Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tính từ cấp huyện trở lên		
	- Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn		
	- Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố, bản (ấp, khóm)		
	- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập		
	- Người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		
	- Lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp, chia ra:		
	+ Người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp		
	+ Nhân viên, người gián tiếp sản xuất		
	+ Công nhân, lao động trực tiếp sản xuất		
	- Người làm nông, lâm, ngư nghiệp		
	- Sĩ quan, chiến sỹ quân đội và công an (lực lượng vũ trang)		
	- Sinh viên		
	- Học sinh		
2	Nguồn giới thiệu		
	Do ĐTNCSHCM giới thiệu		
	Do Công đoàn giới thiệu		

TT	Tiêu chí	Thời điểm	
		31/12/2020	31/12/2023*
3	Tuổi đời		
	18 đến 30 tuổi		
	31 đến 40 tuổi		
	41 đến 50 tuổi		
	51 đến 60 tuổi		
	61 tuổi trở lên		
	<i>Tuổi bình quân</i>		
4	Trình độ học vấn		
	Biết đọc, biết viết		
	Tiểu học		
	Trung học cơ sở		
	Trung học phổ thông		
5	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ		
	Sơ cấp		
	Trung cấp		
	Cao đẳng		
	Đại học		
	Thạc sỹ		
	Tiến sỹ		
	Trình độ khác		

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ
CẤP ỦY TỈNH, THÀNH PHỐ VÀ ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
Nhiệm kỳ 2020 - 2025*

Biểu số 8

TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành**	Ủy viên ban thường vụ	Phó bí thư	Bí thư
	TỔNG SỐ				
1	Dân tộc thiểu số				
2	Người theo tôn giáo				
3	Nữ				
4	Tái cử				
5	Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND				
6	Tuổi đời				
	Từ 18 - 30 tuổi				
	Từ 31 - 35 tuổi				
	Từ 36 - 40 tuổi				
	Từ 41 - 45 tuổi				
	Từ 46 - 50 tuổi				
	Từ 51 - 55 tuổi				
	Trên 55 tuổi				
	<i>Tuổi bình quân</i>				
7	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ				
	Trung cấp				
	Cao đẳng				
	Đại học				
	Thạc sỹ				
	Tiến sỹ				
	Trình độ khác				
8	Trình độ lý luận chính trị				
	Trung cấp				
	Cao cấp, cử nhân				

(*) Số liệu tính đầu nhiệm kỳ.
(**) Số UVBCH bao gồm UVBTV, phó bí thư, bí thư.
Số UVBTV bao gồm phó bí thư, bí thư.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ CẤP ỦY CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG**Nhiệm kỳ 2020 - 2025*****Biểu số 9**

TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành**	Ủy viên ban thường vụ	Phó bí thư	Bí thư
	TỔNG SỐ				
1	Dân tộc thiểu số				
2	Người theo tôn giáo				
3	Nữ				
4	Tái cử				
5	Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND				
6	Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND				
7	Tuổi đời				
	Từ 18 - 30 tuổi				
	Từ 31 - 35 tuổi				
	Từ 36 - 40 tuổi				
	Từ 41 - 45 tuổi				
	Từ 46 - 50 tuổi				
	Từ 51 - 55 tuổi				
	Trên 55 tuổi				
	<i>Tuổi bình quân</i>				
8	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ				
	Sơ cấp				
	Trung cấp				
	Cao đẳng				
	Đại học				
	Thạc sỹ				
	Tiến sỹ				
	Trình độ khác				
9	Trình độ lý luận chính trị				
	Sơ cấp				
	Trung cấp				
	Cao cấp, cử nhân				

(*) Số liệu tính đầu nhiệm kỳ.

(**) Số UVBCH bao gồm UVBTV, phó bí thư, bí thư.

Số UVBTV bao gồm phó bí thư, bí thư.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ CẤP ỦY CẤP CƠ SỞ
Nhiệm kỳ 2020-2025*

Biểu số 10

TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành**	Ủy viên ban thường vụ	Phó bí thư	Bí thư
	TỔNG SỐ				
1	Dân tộc thiểu số				
2	Tôn giáo				
3	Nữ				
4	Tái cử				
5	Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND				
6	Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND				
7	Tuổi đời				
	Từ 18 - 30 tuổi				
	Từ 31 - 35 tuổi				
	Từ 36 - 40 tuổi				
	Từ 41 - 45 tuổi				
	Từ 46 - 50 tuổi				
	Từ 51 - 55 tuổi				
	Trên 55 tuổi				
	Tuổi bình quân				
8	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ				
	Sơ cấp				
	Trung cấp				
	Cao đẳng				
	Đại học				
	Thạc sỹ				
	Tiến sỹ				
	Trình độ khác				
9	Trình độ lý luận chính trị				
	Sơ cấp				
	Trung cấp				
	Cao cấp, cử nhân				

(*) Số liệu tính đầu nhiệm kỳ.

(**) Số UVBCH bao gồm UVBTV, phó bí thư, bí thư.

Số UVBTV bao gồm phó bí thư, bí thư.

Người lập biểu
 (số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

**THỐNG KÊ BÍ THƯ CẤP ỦY CƠ SỞ
ĐỒNG THỜI LÀ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
Nhiệm kỳ 2020 - 2025**

Biểu số 11

STT	Loại hình cơ sở	31/12/2020			31/12/2023*		
		Số tổ chức cơ sở đảng	Bí thư là thủ trưởng cơ quan, đơn vị		Số tổ chức cơ sở đảng	Bí thư là thủ trưởng cơ quan, đơn vị	
			Số lượng	%		Số lượng	%
1	Cơ quan hành chính						
2	Đơn vị sự nghiệp						
3	Doanh nghiệp nhà nước						
4	Doanh nghiệp ngoài nhà nước						
5	Loại hình khác						

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ
Nhiệm kỳ 2020 - 2025*

Biểu số 12

TT	Chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng						Số lớp đào tạo, bồi dưỡng		
		Tổng số	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	Tổng số lớp	Cấp tỉnh	Cấp huyện
			Tổng	Trong đó số cán bộ lãnh đạo, quản lý	Tổng	Trong đó số cán bộ lãnh đạo, quản lý				
1	2	3=4+6+8	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
I	Đào tạo									
1	Đào tạo chuyên môn									
	- Đại học									
	+ Đào tạo trong nước									
	+ Đào tạo ngoài nước									
	- Thạc sỹ									
	+ Đào tạo trong nước									
	+ Đào tạo ngoài nước									
	- Tiến sỹ									
	+ Đào tạo trong nước									
	+ Đào tạo ngoài nước									
2	Đào tạo lý luận chính trị									
	Sơ cấp									
	Trung cấp									
	Cao cấp									
II	Bồi dưỡng									
1	Nghiep vụ xây dựng Đảng									
2	Nghiep vụ đoàn thể chính trị									
3	Quản lý nhà nước									
4	Ngoại ngữ									
5	Tin học									
6	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng									
7	Quốc phòng - An ninh									

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ ĐIỆN
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, HUYỆN ỦY QUẢN LÝ
Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Biểu số 13

TT	Tiêu chí	Diện BTV Tỉnh ủy quản lý		Diện BTV Huyện ủy quản lý	
		31/12/2020	31/12/2023*	31/12/2020	31/12/2023*
1	Số lượng				
	Nữ				
	Dân tộc thiểu số				
2	Độ tuổi				
	Dưới 40 tuổi				
	Từ 41 đến 45 tuổi				
	Từ 46 đến 50 tuổi				
	Từ 51 đến 55 tuổi				
	Từ 56 tuổi trở lên				
3	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ				
	Sơ cấp				
	Trung cấp				
	Cao đẳng				
	Đại học				
	Thạc sỹ				
	Tiến sỹ				
	Trình độ khác				
4	Lĩnh vực đào tạo				
	Nội chính, pháp luật				
	Quân đội				
	Công an				
	Kinh tế, tài chính				
	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật				
	Khoa học xã hội, nhân văn				
	Xây dựng Đảng				
	Hành chính nhà nước				
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế				
	Khác				
5	Trình độ lý luận chính trị				
	Sơ cấp				
	Trung cấp				
	Cao cấp, cử nhân				

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ VỀ SẮP XẾP CÁC TỔ CHỨC, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Biểu số 14

STT	Tiêu chí	Số lượng	
		31/12/2020	31/12/2023*
I	Về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã		
1	Tổng số đầu mối trực thuộc cấp tỉnh thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số đầu mối trực thuộc cấp tỉnh		
	Số cấp trưởng của các đầu mối trực thuộc cấp tỉnh		
	Số cấp phó của các đầu mối trực thuộc cấp tỉnh		
2	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số đơn vị hành chính cấp huyện		
	Số cấp trưởng của đơn vị hành chính cấp huyện		
	Số cấp phó của đơn vị hành chính cấp huyện		
3	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa phương thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa phương		
	Số cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa phương		
	Số cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa phương		
4	Tổng số phòng, ban và tương đương thuộc các sở, ban, ngành và đầu mối trực thuộc cấp huyện thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số các phòng, ban và tương đương thuộc các sở, ban, ngành và đầu mối trực thuộc cấp huyện		
	Số cấp trưởng của các phòng, ban và tương đương		
	Số cấp phó của các phòng, ban và tương đương		
5	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số đơn vị hành chính cấp xã		
	Số cấp trưởng đơn vị hành chính cấp xã		
	Số cấp phó đơn vị hành chính cấp xã		
	Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã		
6	Tổng số thôn, tổ dân phố thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số thôn, tổ dân phố		
	Số trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố		
	Số phó thôn, tổ phó tổ dân phố		
	Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân		

STT	Tiêu chí	Số lượng	
		31/12/2020	31/12/2023*
II	Về sắp xếp, sáp nhập các đơn vị thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
1	Tổng số tổng cục và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số tổng cục và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp trưởng tổng cục và tương đương		
	Số cấp phó tổng cục và tương đương		
2	Tổng số cục, vụ, viện và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số cục, vụ, viện và tương đương trực thuộc các bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp trưởng cục, vụ, viện và tương đương		
	Số cấp phó cục, vụ, viện và tương đương		
3	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp phó đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
4	Tổng số phòng và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số phòng và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp trưởng phòng và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp phó phòng và tương đương trực thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
5	Tổng số đầu mối trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập		
	Trong đó:		
	Số đầu mối trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, ngành Trung ương		
	Số cấp phó đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương		

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THÔNG KÊ VIỆC THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

Biểu số 15

STT	Tiêu chí	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Khối Đảng, MTTQVN và các tổ chức CT - XH	Khối chính quyền	Khối Đảng, MTTQVN và các tổ chức CT - XH	Khối chính quyền
I	Tại thời điểm 31/12/2020				
1	Tổng số biên chế được giao				
2	Tổng số biên chế thực tế				
3	Tổng số biên chế tinh giản				
	Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự				
	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm				
	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn				
	Do phân loại, đánh giá				
	Lãnh đạo quản lý thôi giữ chức vụ do sắp xếp TCBM.				
	Các trường hợp khác				
II	Tại thời điểm 31/12/2023*				
1	Tổng số biên chế được giao				
2	Tổng số biên chế thực tế				
3	Tổng số biên chế tinh giản				
	Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự				
	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm				
	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn				
	Do phân loại, đánh giá				
	Lãnh đạo quản lý thôi giữ chức vụ do sắp xếp TCBM.				
	Các trường hợp khác				

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN BỊ KỶ LUẬT

Biểu số 16

TT	Tiêu chí	Số lượng	
		31/12/2020	31/12/2023*
1	Tổ chức đảng		
	Khiển trách		
	Cảnh cáo		
	Giải tán		
2	Cấp ủy viên các cấp		
	Khiển trách		
	Cảnh cáo		
	Cách chức		
	Khai trừ		
3	Đảng viên*		
	Khiển trách		
	Cảnh cáo		
	Cách chức		
	Khai trừ		

(*) Thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

(**) Số đảng viên bị kỷ không bao gồm cấp ủy các cấp.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ
CÁC CẤP MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC*

Biểu số 17

TT	Tiêu chí	Cán bộ lãnh đạo quản lý		
		Diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý	Diện Ban Thường vụ tỉnh ủy quản lý	Diện Ban Thường vụ huyện ủy quản lý
1	Số cán bộ miễn nhiệm (1)			
	Trường hợp 1			
	Trường hợp 2			
	Trường hợp 3			
	Trường hợp 4			
	Trường hợp 5			
	Trường hợp 6			
2	Số cán bộ từ chức (2)			
	Trường hợp 1			
	Trường hợp 2			
	Trường hợp 3			
	Trường hợp 4			
	Trường hợp 5			

(1),(2) Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức căn cứ theo Điều 5,6 Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 3/11/2021 của Bộ Chính trị

(*) Số liệu tính từ 03/11/2021 đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

TÌNH ỦY, THÀNH ỦY.....

**THỐNG KÊ
VỀ KẾT QUẢ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ
NHIỆM KỲ 2020 - 2025***

Biểu số 18

Đem vị: Lược người

[illegible]

Số TT	Hình thức luân chuyển	Chức vụ luân chuyển đến								Chức vụ sau luân chuyển			Tổng số lượt người luân chuyển			
		Bí thư	Phó Bí thư	UBND		HĐND		Trưởng ban, ngành và tương đương	Phó ban, ngành và tương đương	Giữ nguyên chức vụ hoặc chức vụ tương đương	Bổ trí chức vụ cao hơn	Bổ trí chức vụ thấp hơn	Tổng số	Trong đó, số lượng xác định theo thời gian luân chuyển		
				Chủ tịch	Phó Chủ tịch	Chủ tịch	Phó Chủ tịch							Dưới 36 tháng	Từ 36 tháng đến 60 tháng	Hơn 1 nhiệm kỳ (60 tháng)
8	Xã này sang xã khác															
	TỔNG SỐ															

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025

Người lập biểu
 (số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

TỈNH ỦY, THÀNH ỦY.....

THÔNG KÊ KẾT QUẢ
VIỆC BỐ TRÍ MỘT SỐ CHỨC DANH LÃNH ĐẠO CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN
KHÔNG LÀ NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG*

Biểu số 19

Đơn vị: Lượt người

Số TT	Cấp tỉnh, cấp huyện	Tổng số	Chức vụ luân chuyển đến								
			Bí thư	Chủ tịch UBND	Chánh án TAND	Viện trưởng VKSND	Trưởng Công an	Chánh Thanh tra	Cấp trưởng ngành Tài chính	Cấp trưởng ngành Hải quan	Cấp trưởng ngành Thuế
1	Cấp tỉnh										
2	Cấp huyện										
	TỔNG SỐ										

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

ĐỊA PHƯƠNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

THÔNG KÊ KẾT QUẢ
CÔNG TÁC ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ TỪ ĐỊA PHƯƠNG VỀ CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG;
GIỮA CÁC BAN, BỘ, NGÀNH, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở TRUNG ƯƠNG*

Biểu số 20

Đơn vị: Lượt người

Số TT	Hình thức	Tổng số	Chức vụ điều động, luân chuyển đến						Chức vụ sau luân chuyển		
			Bộ trưởng và tương đương	Thứ trưởng và tương đương	Tổng cục trưởng	Phó Tổng cục trưởng	Vụ trưởng và tương đương	Phó Vụ trưởng và tương đương	Giữ nguyên chức vụ hoặc chức vụ tương đương	Bổ trí chức vụ cao hơn	Bổ trí chức vụ thấp hơn
1	Tỉnh, thành phố về cơ quan Trung ương										
2	Giữa các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương										
	TỔNG SỐ										
	- Trong tổng số có:										
	+ Số đồng chí trên 50 tuổi **										
	+ Số đồng chí từ 50 tuổi trở xuống										

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025

(**) Tuổi cán bộ tính tại thời điểm cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển cán bộ

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ...

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ QUY HOẠCH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
KHỎI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ Ở TRUNG ƯƠNG
Nhiệm kỳ 2020 - 2025***

Biểu số 21

Tiêu chí	Các chức danh quy hoạch diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý	Các chức danh quy hoạch thuộc diện ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý	Ghi chú
TỔNG SỐ			
<i>*Trong đó:</i> - Nữ			
- Dân tộc thiểu số			
<i>*Phân tích tổng số theo:</i>			
1. Tuổi đời			
- Dưới 40 tuổi			
- Từ 40 đến 50 tuổi			
- Trên 50 tuổi			
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ			
- Đại học			
- Thạc sĩ			
- Tiến sĩ			
- Trình độ khác			
3. Trình độ lý luận chính trị			
- Trung cấp			
- Cao cấp, cử nhân			

Ghi chú: Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thì tính nhiệm kỳ của từng tổ chức tương ứng
(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

TỈNH ỦY, THÀNH ỦY ...

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ
DIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ VÀ CHỨC DANH ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH,
ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, THÀNH ỦY ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
Nhiệm kỳ 2020 - 2025***

Biểu số 22

Tiêu chí	Quy hoạch Ban Chấp hành			Quy hoạch Ban Thường vụ			Quy hoạch Bí thư			Quy hoạch Phó Bí thư			Quy hoạch Chủ tịch HĐND			Quy hoạch Chủ tịch UBND			Quy hoạch Trưởng đoàn ĐBQH		
TỔNG SỐ																					
*Trong đó: - Nữ																					
- Dân tộc thiểu số																					
*Phân tích tổng số theo:																					
1. Tuổi đời																					
- Dưới 40 tuổi																					
- Từ 40 đến 50 tuổi																					
- Trên 50 tuổi																					
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ																					
- Cao đẳng																					
- Đại học																					
- Thạc sĩ																					
- Tiến sĩ																					
- Trình độ khác																					
3. Trình độ lý luận chính trị																					
- Trung cấp																					
- Cao cấp, cử nhân																					

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

TỈNH ỦY, THÀNH ỦY ...

THỐNG KÊ KẾT QUẢ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ
DIỆN BAN THƯỜNG VỤ CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY QUẢN LÝ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
NHIỆM KỲ 2020 - 2025*

Biểu số 23

Tiêu chí	Quy hoạch Ban Chấp hành cấp huyện			Quy hoạch Ban Thường vụ cấp huyện			Quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp huyện (Bí thư; Phó Bí thư; Chủ tịch, Phó Chủ tịch)			Quy hoạch các chức danh trưởng, phó sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh		
TỔNG SỐ												
*Trong đó: - Nữ												
- Dân tộc thiểu số												
*Phân tích tổng số theo:												
1. Tuổi đời												
- Dưới 40 tuổi												
- Từ 40 đến 50 tuổi												
- Trên 50 tuổi												
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ												
- Cao đẳng												
- Đại học												
- Thạc sĩ												
- Tiến sĩ												
- Trình độ khác												
3. Trình độ lý luận chính trị												
- Trung cấp												
- Cao cấp, cử nhân												

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

TỈNH ỦY, THÀNH ỦY ...

THÔNG KÊ KẾT QUẢ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ
DIỆN BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY CẤP HUYỆN QUẢN LÝ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
Nhiệm kỳ 2020 - 2025*

Biểu số 24

Tiêu chí	Quy hoạch Ban Chấp hành đảng bộ cấp xã			Quy hoạch Ban Thường vụ cấp ủy cấp xã			Quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch)			Quy hoạch các chức danh trưởng, phó phòng, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp huyện		
TỔNG SỐ												
*Trong đó: - Nữ												
- Dân tộc thiểu số												
*Phân tích tổng số theo:												
1. Tuổi đời												
- Dưới 40 tuổi												
- Từ 40 đến 50 tuổi												
- Trên 50 tuổi												
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ												
- Cao đẳng												
- Đại học												
- Thạc sĩ												
- Tiến sĩ												
- Trình độ khác												
3. Trình độ lý luận chính trị												
- Trung cấp												
- Cao cấp, cử nhân												

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

ĐẢNG ỦY KHỎI ...

THỐNG KÊ KẾT QUẢ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ
DIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ VÀ CHỨC DANH THUỘC DIỆN
ĐẢNG BỘ KHỎI QUẢN LÝ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
Nhiệm kỳ 2020 - 2025*

Biểu số 25

Tiêu chí	Quy hoạch Ban Chấp hành			Quy hoạch Ban Thường vụ			Quy hoạch Bí thư			Quy hoạch Phó Bí thư			Quy hoạch các chức danh trưởng, phó các ban đảng, đơn vị trực thuộc Đảng bộ Khởi và tương đương			Quy hoạch các chức danh trưởng, phó phòng và tương đương		
TỔNG SỐ																		
*Trong đó: - Nữ																		
- Dân tộc thiểu số																		
*Phân tích tổng số theo:																		
1. Tuổi đời																		
- Dưới 40 tuổi																		
- Từ 40 đến 50 tuổi																		
- Trên 50 tuổi																		
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ																		
- Cao đẳng																		
- Đại học																		
- Thạc sĩ																		
- Tiến sĩ																		
- Trình độ khác																		
3. Trình độ lý luận chính trị																		
- Trung cấp																		
- Cao cấp, cử nhân																		

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ
Nhiệm kỳ 2020 - 2025*

Biểu số 26

Đơn vị: Lượt người

TT	Tiêu chí	Cán bộ diện Trung ương quản lý	Cán bộ diện cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý	
			Chưa phân cấp	Đã phân cấp
I	Đánh giá cán bộ			
II	Thực hiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử			
1	Bổ nhiệm			
2	Giới thiệu ứng cử			
III	Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ			
IV	Khen thưởng, kỷ luật			
1	Khen thưởng			
2	Kỷ luật			

(*) Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023; thời điểm cập nhật số liệu tiếp theo là 31/12/2024 và 30/6/2025

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

THỐNG KÊ ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 1

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn			Ghi chú
		01/01/2011 đến 31/12/2020	01/01/2021 đến 31/12/2023	01/01/2021 đến 30/6/2025	
1	Số lượng				
	<i>Trong đó:</i>				
	- Kết nạp lại				
	- Phụ nữ				
	- Dân tộc thiểu số				
	- Tôn giáo				
	- Cán bộ, công chức				
	- Nông dân				
	- Công dân thường trú ở khu phố				
	- Công nhân:				
	+ Trong doanh nghiệp Nhà nước				
	+ Trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước				
	- Người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập				
	- Sĩ quan, chiến sỹ QĐND				
	- Sĩ quan, chiến sỹ CAND				
	- Sinh viên, học sinh				
2	Nguồn giới thiệu				
	Do ĐTNCSHCM giới thiệu				
	Do Công đoàn giới thiệu				
3	Tuổi đời				
	Từ 18 - 30				
	Từ 31 - 40				
	Từ 41 - 50				
	Từ 51 tuổi trở lên				
	<i>Tuổi bình quân</i>				
4	Trình độ học vấn				
	Biết đọc, biết viết				
	Tiểu học				
	Trung học cơ sở				
	Trung học phổ thông				
5	Trình độ chuyên môn				
	Sơ cấp				
	Trung cấp				
	Cao đẳng				
	Đại học				
	Thạc sỹ				
	Tiến sỹ				

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ 01/01/2011 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM ĐẢNG VIÊN
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 2

Số TT	Tiêu chí	Tính đến 31/12/2010	Tính đến 31/12/2020	Tính đến 31/12/2023	Tính đến 30/6/2025	Ghi chú
A	Tổng số đảng viên đầu kỳ					
B	Tăng trong kỳ					
1	Kết nạp					
2	Phục hồi đảng tịch					
C	Giảm trong kỳ					
1	Từ trần					
2	Khai trừ					
3	Xoá tên					
	Trong đó: Đảng viên dự bị					
4	Xin ra khỏi Đảng					
D	Tổng số đảng viên cuối kỳ					

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 3

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm				Ghi chú
		01/01/2011	01/01/2021	01/01/2024	30/6/2025	
I	Số lượng					
	<i>Trong đó</i>					
1	Nữ					
2	Dự bị					
3	Dân tộc thiểu số					
4	Tôn giáo					
5	Đoàn viên ĐTNCSHCM					
6	Công nhân					
7	Nông dân					
8	Trí thức					
9	Chủ doanh nghiệp tư nhân					
10	Trong DN ngoài KV Nhà nước					
11	Quân nhân xuất ngũ					
12	Có QH hôn nhân với người nước ngoài					
13	Không sinh hoạt thường xuyên do làm ăn xa					
14	Được miễn công tác và sinh hoạt đảng					
	<i>Dưới 70 tuổi</i>					
	<i>Từ 70 đến dưới 75 tuổi</i>					
	<i>Từ 75 đến dưới 80 tuổi</i>					
	<i>Trên 80 tuổi</i>					
II	Tuổi đời					
1	18 đến 30 tuổi					
2	31 đến 40 tuổi					
3	41 đến 50 tuổi					
4	51 đến 60 tuổi					
5	61 tuổi trở lên					
6	<i>Tuổi bình quân</i>					
III	Trình độ học vấn					
1	Biết chữ Quốc ngữ					
2	Tiểu học					
3	Trung học cơ sở					
4	Trung học phổ thông					

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm				Ghi chú
		01/01/2011	01/01/2021	01/01/2024	30/6/2025	
IV	Trình độ chuyên môn					
	Công nhân kỹ thuật, nhân viên, chưa qua đào tạo					
1	Trung cấp					
2	Cao đẳng					
3	Đại học					
4	Thạc sỹ					
5	Tiến sỹ					
V	Trình độ lý luận chính trị					
1	Sơ cấp, chưa qua đào tạo					
2	Trung cấp					
3	Cao cấp, cử nhân					

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

THỐNG KÊ ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 4

STT	Loại hình	Số lượng đảng bộ				Ghi chú
		31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023	30/6/2025	
1	Quận					
2	Huyện					
3	Thị xã					
4	Thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc TW					
5	Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh					
6	Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh					
7	Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh					
8	Quân sự					
9	Biên phòng					
10	Công an					
11	Đảng bộ khác					
	Tổng cộng					

**Đảng bộ khác: ghi rõ tên đảng bộ*

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 5

[illegible]

[illegible]

STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã										Ngoài nước	Khác
						Công lập	Ngoài công lập			Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước					Hợp tác xã			
										Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Công ty Cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty trách nhiệm hữu hạn	Công ty hợp danh	DN có vốn nước ngoài				
1.2	Số đảng bộ mà đảng ủy được giao, ủy quyền																				
	- ĐBCS mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở																				
	- ĐBCS mà đảng ủy được thi điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở																				
	- ĐBCS mà đảng ủy được ủy quyền kết nạp, khai trừ đảng viên																				
2	Chi bộ cơ sở																				
3	Đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở																				
Trong đó	Số chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận																				
	Số lượng đảng viên																				
4	Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở																				
Trong đó	Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên																				
	Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên																				
	Chi bộ có từ 10 đến dưới 30 đảng viên																				
	Chi bộ có từ 30 đến 100 đảng viên																				
	Chi bộ có trên 100 đảng viên																				
5	Số chi bộ đông đảng viên chia thành nhiều tổ đảng																				
Tinh đến 31/12/2023																					

[illegible]

STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã										Ngoài nước	Khác
										Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước					Hợp tác xã			
										Nhà nước năm giữ 100% vốn điều lệ	Nhà nước năm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	Nhà nước năm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Công ty Cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty trách nhiệm hữu hạn	Công ty hợp danh	DN có vốn nước ngoài				
2	Chi bộ cơ sở																				
3	Đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở																				
Trong đó	Số chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận																				
	Số lượng đảng viên																				
4	Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở																				
Trong đó	Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên																				
	Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên																				
	Chi bộ có từ 10 đến dưới 30 đảng viên																				
	Chi bộ có từ 30 đến 100 đảng viên																				
	Chi bộ có trên 100 đảng viên																				
5	Số chi bộ đông đảng viên chia thành nhiều tổ đảng																				
6	Tổng số đảng viên																				

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

[illegible]

Số TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Ủy viên ban thường vụ			Phó Bí thư			Bí thư			Ghi chú
		2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	
	- Trung cấp													
	- Cao đẳng													
	- Đại học													
	- Thạc sỹ													
	- Tiến sỹ													
3	Chức danh khoa học													
	- Phó giáo sư													
	- Giáo sư													
4	Trình độ lý luận chính trị													
	- Sơ cấp, chưa qua đào tạo													
	- Trung cấp													
	- Cao cấp, cử nhân													
5	Trình độ quản lý nhà nước theo ngạch													
	- Chuyên viên (tương đương)													
	- Chuyên viên chính (tương đương)													
	- Chuyên viên cao cấp (tương đương)													

Lưu ý: Số liệu báo cáo tính từ thời điểm đầu nhiệm kỳ.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

(Nhiệm kỳ 2010 - 2015, 2015 - 2020 và 2020 - 2025)

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 7

[illegible]

Số TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Ủy viên ban thường vụ			Phó Bí thư			Bí thư			Ghi chú
		2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	
2	Trình độ chuyên môn nghề nghiệp													
	- Sơ cấp													
	- Trung cấp													
	- Cao đẳng													
	- Đại học													
	- Thạc sỹ													
	- Tiến sỹ													
3	Chức danh khoa học													
	- Phó giáo sư													
	- Giáo sư													
4	Trình độ lý luận chính trị													
	- Sơ cấp, chưa qua đào tạo													
	- Trung cấp													
	- Cao cấp, cử nhân													
5	Trình độ quản lý nhà nước theo ngạch													
	- Chuyên viên (tương đương)													
	- Chuyên viên chính (tương đương)													
	- Chuyên viên cao cấp (tương đương)													

Lưu ý: Số liệu báo cáo tính từ thời điểm đầu nhiệm kỳ.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 8

[illegible]

Số TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Ủy viên ban thường vụ			Phó Bí thư			Bí thư			Ghi chú
		2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	
2	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ													
	- Sơ cấp													
	- Trung cấp													
	- Cao đẳng													
	- Đại học													
	- Thạc sỹ													
	- Tiến sỹ													
3	Chức danh khoa học													
	- Phó giáo sư													
	- Giáo sư													
4	Trình độ lý luận chính trị													
	- Sơ cấp, chưa qua đào tạo													
	- Trung cấp													
	- Cao cấp, cử nhân													
5	Trình độ quản lý nhà nước theo ngạch													
	- Chuyên viên (tương đương)													
	- Chuyên viên chính (tương đương)													
	- Chuyên viên cao cấp (tương đương)													

Lưu ý: Số liệu báo cáo tính từ thời điểm đầu nhiệm kỳ.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ
DIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 9

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm				Ghi chú
		31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023	30/6/2025	
1	2	3	4	5		6
1	Số lượng					
	trong đó:					
	Nữ					
	Dân tộc thiểu số					
	Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác					
2	Độ tuổi					
	Dưới 45 tuổi					
	Từ 46 đến 50 tuổi					
	Từ 51 đến 55 tuổi					
	Từ 56 tuổi trở lên					
3	Trình độ chuyên môn					
	Trung cấp					
	Cao đẳng					
	Đại học					
	Thạc sỹ					
	Tiến sỹ					
4	Lĩnh vực đào tạo					
	Nội chính, pháp luật					
	Quân đội					
	Công an					
	Kinh tế, tài chính					
	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật					
	Khoa học xã hội, nhân văn					
	Xây dựng Đảng					
	Hành chính nhà nước					
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế					
	Khác					
5	Chức danh khoa học					
	Giáo sư					
	Phó giáo sư					
6	Trình độ lý luận chính trị					
	Sơ cấp, chưa qua đào tạo					
	Trung cấp					
	Cao cấp, cử nhân					

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc

TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

**THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ ĐIỆN BAN THƯỜNG VỤ
TỈNH ỦY, HUYỆN ỦY QUẢN LÝ**

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 10

TT	Chỉ tiêu	Điện BTV Tỉnh ủy quản lý				Điện BTV Huyện ủy quản lý			
		31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023	30/6/2025	31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023	30/6/2025
1	Số lượng								
	trong đó:								
	Nữ								
	Dân tộc thiểu số								
	Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác								
2	Độ tuổi								
	Dưới 40 tuổi								
	Từ 41 đến 45 tuổi								
	Từ 46 đến 50 tuổi								
	Từ 51 đến 55 tuổi								
	Từ 56 tuổi trở lên								
3	Trình độ chuyên môn								
	Trung cấp								
	Cao đẳng								
	Đại học								
	Thạc sỹ								
	Tiến sỹ								
4	Lĩnh vực đào tạo								

TT	Chỉ tiêu	Diện BTV Tỉnh ủy quản lý				Diện BTV Huyện ủy quản lý			
		31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023	30/6/2025	31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023	30/6/2025
	Nội chính, pháp luật								
	Quân đội								
	Công an								
	Kinh tế, tài chính								
	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật								
	Khoa học xã hội, nhân văn								
	Xây dựng Đảng								
	Hành chính nhà nước								
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế								
	Khác								
5	Chức danh khoa học								
	Giáo sư								
	Phó giáo sư								
6	Trình độ lý luận chính trị								
	Sơ cấp, chưa qua đào tạo								
	Trung cấp								
	Cao cấp, cử nhân								

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

THÔNG KÊ KHEN THƯỞNG TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN
(Kèm theo Báo cáo số ... - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 11

TT	Tiêu chí	Thời điểm				Ghi chú
		2010-2015	2015-2020	31/12/2020- 31/12/2023	31/12/2020- 30/6/2025	
I	Khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên					
1	Khen thưởng tổ chức đảng					
a	Số tổ chức đảng cấp trên trực tiếp cơ sở được khen, chia ra:					
	- Tặng cờ					
	- Tặng bằng khen					
b	Số tổ chức cơ sở đảng được khen, chia ra:					
	- Tặng cờ					
	- Tặng bằng khen					
	- Tặng giấy khen					
c	Số đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở được khen, chia ra:					
	- Tặng bằng khen					
	- Tặng giấy khen					
d	Số chi bộ bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở được khen, chia ra:					
	- Tặng bằng khen					
	- Tặng giấy khen					
2	Số đảng viên được khen, chia ra:					
	- Tặng bằng khen					
	- Tặng giấy khen					
II	Tặng huy hiệu Đảng					
	- Huy hiệu Đảng 30 năm					
	- Huy hiệu Đảng 40 năm					
	- Huy hiệu Đảng 45 năm					
	- Huy hiệu Đảng 50 năm					
	- Huy hiệu Đảng 55 năm					
	- Huy hiệu Đảng 60 năm					
	- Huy hiệu Đảng 65 năm					
	- Huy hiệu Đảng 70 năm					
	- Huy hiệu Đảng 75 năm					
	- Huy hiệu Đảng 80 năm					
	- Huy hiệu Đảng 85 năm					
	- Huy hiệu Đảng 90 năm					

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

Biểu 12

(ĐVT: Đồng viên)

[illegible]

TT	Đảng viên được kiểm tra	Tổng số đảng viên được kiểm tra	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
			Cấp kiểm tra																		
			Kết luận																		
			Trong đó																		
			Đã thi hành kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Có vi phạm, khuyết điểm, chưa đến mức phải kỷ luật	Thực hiện chưa tốt															
						Chi bộ															
						Thực hiện tốt															
						Đảng ủy bộ phận															
						Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở															
			Các CQ tham mưu, của cấp ủy huyện và tương đương																		
			Huyện ủy, BTV HU và tương đương																		
			Các CQ tham mưu, của cấp ủy tỉnh và tương đương																		
			Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương																		
			Các CQ tham mưu của TW																		
			BCHTW, BCT, Ban Bí thư																		
			Đảng																		
			Hành chính, Nhà nước																		
			Đoàn thể																		
			Lực lượng vũ trang																		
			Sự nghiệp công lập																		
			Sản xuất kinh doanh, dịch vụ																		
			Các lĩnh vực khác																		
IV	Kết luận		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
			Thực hiện tốt																		
			Thực hiện chưa tốt																		
			Có vi phạm, khuyết điểm chưa																		
			đến mức phải kỷ luật																		
			Phải thi hành kỷ luật																		
			Đã thi hành kỷ luật																		
B	NHIỆM KỶ 2016-2020		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
			Thực hiện tốt																		
			Thực hiện chưa tốt																		
			Có vi phạm, khuyết điểm chưa																		
			đến mức phải kỷ luật																		
			Phải thi hành kỷ luật																		
			Đã thi hành kỷ luật																		
1	Cấp quản lý đảng viên		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
			Trung ương																		

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Đảng viên được kiểm tra	Tổng số đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra									Kết luận				
			BCHTW, BCT, Ban Bí thư	Các CQ tham mưu của TW	Tinh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Các CQ tham mưu, của cấp ủy tỉnh và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	Các CQ tham mưu, của cấp ủy huyện và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Chi bộ	Thực hiện tốt	Thực hiện chưa tốt	Trong đó		
														Có vi phạm, khuyết điểm, chưa đến mức phải kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Lực lượng vũ trang	0														
	Sự nghiệp công lập	0														
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	0														
	Các lĩnh vực khác	0														
IV	Kết luận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
	Thực hiện tốt	0														
	Thực hiện chưa tốt	0														
	Có vi phạm, khuyết điểm chưa đến mức phải kỷ luật	0														
	Phải thi hành kỷ luật	0														
	Đã thi hành kỷ luật	0														

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

[illegible]

[illegible]

TT	Tổ chức đang được kiểm tra	Tổng số tổ chức đang được kiểm tra	Cấp kiểm tra									Nội dung kiểm tra								Kết luận				
			BCH Trung ương, BCT, BBT	Các CQ tham mưu của Trung ương	Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy và tương đương	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	Huyện ủy, BTV huyện và tương đương	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chỉ thị, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kế hoạch, hướng dẫn của Đảng	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành sát kiến, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên	Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp	Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác đấu tranh, truy tố, xét xử, thi hành án	Công tác cán bộ	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	Khác	Thực hiện tốt	Thực hiện chưa tốt	Trong đó		
																						Có vi phạm, khuyết điểm chưa đến mức phải kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	Thực hiện chưa tốt	0																						
	Có vi phạm, khuyết điểm chưa đến mức phải kỷ luật	0																						
	Phải thi hành kỷ luật	0																						
	Đã thi hành kỷ luật	0																						
D	NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 30/6/2025)																							
I	Tổ chức đang được kiểm tra	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	BCH đảng, đảng đoàn ở Trung ương	0																						
	Các CQ tham mưu của Trung ương	0																						
	Tỉnh ủy, BTV, thường trực tỉnh ủy và tương đương	0																						
	BCH đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương	0																						
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	0																						
	Huyện ủy, BTV huyện ủy, thường trực huyện ủy và tương đương	0																						
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	0																						
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	0																						
	Đảng ủy bộ phận	0																						
	Chi bộ, Chi ủy	0																						
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng...)	0																						
II	Kết luận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
	Thực hiện tốt	0																						
	Thực hiện chưa tốt	0																						
	Có vi phạm, khuyết điểm chưa đến mức phải kỷ luật	0																						
	Phải thi hành kỷ luật	0																						
	Đã thi hành kỷ luật	0																						

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

[illegible]

[illegible]

TT	Đảng viên được kiểm tra	Tổng số đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra						Nội dung kiểm tra								Kết luận		
			BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Chi bộ	Việc thực hiện những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số có vi phạm	Trong đó	
																		Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Hành chính, Nhà nước	0																	
	Đoàn thể	0																	
	Lực lượng vũ trang	0																	
	Sự nghiệp công lập	0																	
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	0																	
	Lĩnh vực khác	0																	
IV	Kết luận																		
	Số có vi phạm	0																	
	Phải thi hành kỷ luật	0																	
	Đã thi hành kỷ luật	0																	

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

**THỐNG KÊ KIỂM TRA TỔ CHỨC ĐẢNG
KHI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM CỦA CẤP ỦY, BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY**

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 15

TT	Tổ chức đảng được kiểm tra	Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Kết luận		
			BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	Số có vi phạm	Trong đó	
								Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	NHIỆM KỲ 2010-2015								
I	Tổ chức đảng được kiểm tra	0	0	0	0	0	0	0	0
	BCS đảng, đảng đoàn ở TW	0							
	Các CQ tham mưu của Trung ương	0							
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương	0							
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương	0							
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	0							
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy và tương đương	0							
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	0							
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	0							
	Đảng ủy bộ phận	0							
	Chi bộ, Chi ủy	0							
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng,...)	0							
II	Kết luận								
	Số có vi phạm	0							
	Phải thi hành kỷ luật	0							

TT	Tổ chức đang được kiểm tra	Tổng số tổ chức đang được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Kết luận		
			BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	Số có vi phạm	Trong đó	
								Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Đã thi hành kỷ luật	0							
B	NHIỆM KỲ 2015-2020								
I	Tổ chức đang được kiểm tra	0	0	0	0	0	0	0	0
	BCS đảng, đảng đoàn ở TW	0							
	Các CQ tham mưu của Trung ương	0							
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương	0							
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương	0							
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	0							
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy và tương đương	0							
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	0							
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	0							
	Đảng ủy bộ phận	0							
	Chi bộ, Chi ủy	0							
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng,...)	0							
II	Kết luận								
	Số có vi phạm	0							
	Phải thi hành kỷ luật	0							
	Đã thi hành kỷ luật	0							
C	NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)								

TT	Tổ chức đảng được kiểm tra	Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Kết luận		
			BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	Số có vi phạm	Trong đó	
								Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Tổ chức đảng được kiểm tra	0	0	0	0	0	0	0	0
	BCS đảng, đảng đoàn ở TW	0							
	Các CQ tham mưu của Trung ương	0							
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương	0							
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương	0							
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	0							
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy và tương đương	0							
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	0							
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	0							
	Đảng ủy bộ phận	0							
	Chi bộ, Chi ủy	0							
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng,...)	0							
II	Kết luận								
	Số có vi phạm	0							
	Phải thi hành kỷ luật	0							
	Đã thi hành kỷ luật	0							
D	NHIỆM KỶ 2020-2025 (Tính đến 30/6/2025)								
I	Tổ chức đảng được kiểm tra	0	0	0	0	0	0	0	0
	BCS đảng, đảng đoàn ở TW	0							

TT	Tổ chức đảng được kiểm tra	Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Kết luận		
			BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	Số có vi phạm	Trong đó	
								Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Các CQ tham mưu của Trung ương	0							
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương	0							
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương	0							
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	0							
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy và tương đương	0							
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	0							
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	0							
	Đảng ủy bộ phận	0							
	Chi bộ, Chi ủy	0							
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng,...)	0							
II	Kết luận								
	Số có vi phạm	0							
	Phải thi hành kỷ luật	0							
	Đã thi hành kỷ luật	0							

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

(DVT: đòng viên)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Đảng viên được giám sát	Tổng số đảng viên được giám sát	Cấp giám sát									Nội dung								Kết quả		
			BCH TW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Các CQ tham mưu của Trung ương	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Chi bộ	Việc thực hiện những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ sống tập	Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số đảng viên thực hiện tốt	Số đảng viên có vi phạm, khuyết điểm	Số đảng viên chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Đảng	0																				
	Hành chính, Nhà nước	0																				
	Đoàn thể	0																				
	Lực lượng vũ trang	0																				
	Sự nghiệp công lập	0																				
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	0																				
	Các lĩnh vực khác	0																				

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

THÔNG KÊ GIÁM SÁT TỔ CHỨC ĐẢNG THEO ĐIỀU 30 ĐIỀU LỆ ĐẢNG

(Giám sát theo chuyên đề)

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 17

(DVT: Tổ chức đảng)

[illegible]

[illegible]

TT	Tổ chức đang được giám sát	Tổng số tổ chức đang được giám sát	Cấp giám sát								Nội dung										Kết quả			
			BCH Trung ương, Bộ Chính trị, BBT	Các CQ tham mưu của Trung ương	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên	Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp	Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách và những nội dung do cấp ủy giao	Công tác cán bộ	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	Khác	Số tổ chức đang thực hiện tốt	Số tổ chức đang có vi phạm, khuyết điểm	Số tổ chức đang chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
D	NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 30/6/2025)																							
	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương	0																						
	Các CQ tham mưu của Trung ương	0																						
	Tỉnh ủy, BTV, thường trực tỉnh ủy và tương đương	0																						
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương	0																						
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	0																						
	Huyện ủy, BTV, thường trực huyện ủy và tương đương	0																						
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	0																						
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	0																						
	Đảng ủy bộ phận	0																						
	Chi bộ, Chi ủy	0																						
	Khác (Ban Chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng...)	0																						
E	Cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

Biểu 18

(DVT: hoạt động viên)

TT	Đảng viên bị thi hành kỷ luật	Tổng số đảng viên bị THKL	Hình thức kỷ luật					Định chỉ sinh hoạt cấp ủy viên	Xóa tên, cho rút	Cấp thi hành kỷ luật					Những điều đảng viên không được làm	Nội dung vi phạm										Xử lý pháp luật			Xử lý hành chính
			Khẩn trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ				BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	Chi bộ		Tiểu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chỉnh sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, tiêu cực, lãng phí	Kể khai sai sắn, thu thập cá nhân	Khác	Số lượng	Trong đó				
																									Bị phạt tù (kể cả án treo)	Hình thức khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
A	NHIỆM KỶ 2010-2015																												
I	Cấp quản lý đảng viên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Trung ương	0																											
	Cấp tỉnh và tương đương	0																											
	Cấp huyện và tương đương	0																											
	Cấp cơ sở	0																											
II	Là cấp ủy viên các cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ủy viên Trung ương	0																											
	Tỉnh ủy viên và tương đương	0																											
	Huyện ủy viên và tương đương	0																											
	Đảng ủy viên	0																											
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	0																											
	Chi ủy viên	0																											
III	Đang viên ở các lĩnh vực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Đảng	0																											
	Hành chính, Nhà nước	0																											
	Đoàn thể	0																											
	Lực lượng vũ trang	0																											
	Sự nghiệp công lập	0																											
	SXKD, dịch vụ	0																											
	Lĩnh vực khác	0																											
IV	Đang viên bị THKT từ nhiệm vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Kiểm tra theo Điều 30 của ĐLĐ	0																											
	Kiểm tra khi có DHVP của BTV cấp ủy và chi bộ	0																											
	Giáo quyết tố cáo của cấp ủy các cấp	0																											
	Khác (từ đề nghị của TCD, UBKT cấp dưới, từ chỉ đạo của cấp trên giao...)	0																											
B	NHIỆM KỶ 2015-2020																												

[illegible]

[illegible]

TT	Đảng viên bị thi hành kỷ luật	Tổng số đảng viên bị THKL	Hình thức kỷ luật				Định chỉ sinh hoạt đảng	Định chỉ sinh hoạt cấp ủy viên	Xóa tên, cho rút	Cấp thi hành kỷ luật				Nội dung vi phạm										Xử lý pháp luật			Xử lý hành chính
			Khuyến trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ				BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	Chi bộ	Những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, tiêu cực, lãng phí	Kế khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số lượng	Trong đó		
																									Bị phạt tù (kể cả án treo)	Hình thức khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
II	Là cấp ủy viên các cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy viên Trung ương	0																									
	Tỉnh ủy viên và tương đương	0																									
	Huyện ủy viên và tương đương	0																									
	Đảng ủy viên	0																									
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	0																									
	Chi ủy viên	0																									
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Đảng	0																									
	Hành chính, Nhà nước	0																									
	Đoàn thể	0																									
	Lực lượng vũ trang	0																									
	Sự nghiệp công lập	0																									
	SXKD, dịch vụ	0																									
	Lĩnh vực khác	0																									
IV	Đảng viên bị THKT từ nhiệm vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kiểm tra theo Điều 30 của ĐLĐ	0																									
	Kiểm tra khi có DHVP của BTV cấp ủy và chi bộ	0																									
	Giải quyết tố cáo của cấp ủy các cấp	0																									
	Khác (từ đề nghị của TCD, UBKT cấp dưới, từ chỉ đạo của cấp trên giao...)	0																									

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh/Thành ủy.....)

(ĐVT: Tổ chức đảng)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Tổ chức đang bị thi hành kỷ luật	Tổng số tổ chức đang bị thi hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật			Cấp thi hành kỷ luật				Nội dung vi phạm								
			Khẩn trách	Cảnh cáo	Giải tán	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh uỷ, BTV tỉnh uỷ và tương đương	Huyện uỷ, BTV huyện uỷ và tương đương	Đảng uỷ cơ sở, BTV Đảng uỷ cơ sở	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quản lý, tiền luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên	Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp	Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	Công tác cán bộ	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Kiểm tra theo Điều 30 của DLĐ	0																
	Kiểm tra khi có DHVP của BTV cấp ủy và chỉ bộ	0																
	Giải quyết tố cáo của cấp ủy các cấp	0																
	Khác (từ đề nghị của TCD, UBKT cấp dưới, từ chỉ đạo của cấp trên giao...)	0																

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

Biểu 20

(DVT: Đảng viên)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Đảng viên khiếu nại kỳ luật đảng	Đã giải quyết xong	Cấp giải quyết khiếu nại							Nội dung khiếu nại			Kết luận								
			BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy và tương đương	BTV tỉnh ủy và tương đương	Huyện ủy và tương đương	BTV huyện ủy và tương đương	Đảng ủy cơ sở	BTV đảng ủy cơ sở	Nội dung vi phạm	Hình thức kỷ luật	Nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền	Cho rút đơn, không xem xét giải quyết	Giữ nguyên hình thức kỷ luật	Thay đổi hình thức kỷ luật	Trong đó			Nguyên nhân thay đổi hình thức kỷ luật		
																Tăng hình thức kỷ luật	Giảm hình thức kỷ luật	Xoá kỷ luật	Vận dụng phương hướng, phương châm THKL	Thẩm tra, xác minh	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
II	Cấp quyết định kỷ luật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	BCHTW, Bộ Chính trị, BBT	0																			
	UBKT Trung ương	0																			
	Tỉnh ủy và tương đương	0																			
	BTV tỉnh ủy và tương đương	0																			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương	0																			
	Huyện ủy và tương đương	0																			
	BTV huyện ủy và tương đương	0																			
	UBKT huyện ủy và tương đương	0																			
	Đảng ủy cơ sở	0																			
	BTV đảng ủy cơ sở	0																			
	UBKT đảng ủy cơ sở	0																			
	Chi bộ	0																			
	GQ đúng thời gian quy định	0																			

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

Biểu 21

(ĐVT: Tổ chức đảng)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Tổ chức đảng khiếu nại kỷ luật đảng	Đã giải quyết xong	Cấp giải quyết khiếu nại									Nội dung khiếu nại			Kết luận								
			Ban Chấp hành Trung ương	Bộ Chính trị	Ban Bí thư	Tỉnh ủy và tương đương	BTV tỉnh ủy và tương đương	Huyện ủy và tương đương	BTV huyện ủy và tương đương	Đảng ủy cơ sở	BTV Đảng ủy cơ sở	Nội dung vi phạm	Hình thức kỷ luật	Nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền	Cho rút đơn, không xem xét giải quyết	Giữ nguyên hình thức kỷ luật	Thay đổi hình thức kỷ luật	Trong đó			Nguyên nhân thay đổi hình thức kỷ luật		
																		Tăng hình thức kỷ luật	Giảm hình thức kỷ luật	Xoá kỷ luật	Vận dụng phương hướng, phương châm THKL	Thẩm tra, xác minh	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	0																					
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	0																					
	Đảng ủy bộ phận	0																					
	Chi bộ, Chi ủy	0																					
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng,...)	0																					
	GQ đúng thời gian quy định	0																					

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

Biểu 22

Biểu 22

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Đảng viên được kiểm tra	Tổng số đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Nội dung kiểm tra										Kết luận	
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh uỷ và tương đương	UBKT huyện uỷ và tương đương	UBKT đảng uỷ cơ sở	Những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp uỷ viên	Việc chấp hành hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng: chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tu tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, cổ ý làm trái	Kế khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Có vi phạm	Trong đó	
																	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Đảng uỷ viên	0																
	Đảng uỷ viên đảng uỷ bộ phận	0																
	Chỉ uỷ viên	0																
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Đảng	0																
	Hành chính, Nhà nước	0																
	Đoàn thể	0																
	Lực lượng vũ trang	0																
	Sự nghiệp công lập	0																
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	0																
	Lĩnh vực khác	0																
IV	Kết luận																	
	Có vi phạm	0																
	Phải thi hành kỷ luật	0																
	Đã thi hành kỷ luật	0																

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp uỷ trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

Biểu 23

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Tổ chức đảng được kiểm tra	Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Nội dung kiểm tra							Kết luận		
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh uỷ và tương đương	UBKT huyện uỷ và tương đương	UBKT đảng uỷ cơ sở	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành các nguyên tắc, tổ chức và hoạt động của của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên	Công tác cán bộ	Khác	Tổ chức đảng có vi phạm	Trong đó	
															Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Đảng uỷ cơ sở, BTV đảng uỷ cơ sở	0														
	Đảng uỷ bộ phận	0														
	Chi bộ, Chi uỷ	0														
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng,...)	0														
II	Kết luận															
	Tổ chức đảng có vi phạm	0														
	Phải thi hành kỷ luật	0														
	Đã thi hành kỷ luật	0														

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

THỐNG KÊ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP KIỂM TRA TỔ CHỨC ĐẢNG, ỦY BAN KIỂM TRA CẤP DƯỚI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

(ĐVT: Tổ chức đảng)

[illegible]

TT	Tổ chức đang được kiểm tra	Tổng số tổ chức đang được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Kết luận								
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Số không có chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát	Số chưa làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát	Số chưa thực hiện nhiệm vụ tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát	Số chưa làm tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của UBKT	Số chưa làm tốt việc tuân thủ	Số vụ việc bị cấp kiểm tra rút bỏ sơ để kiểm tra trực tiếp	Số số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu: kiểm điểm; kiểm tra; giám sát	Số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu xem xét thi hành kỷ luật	Số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu hoàn thành kiểm tra, giám sát
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
C	NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)														
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	0													
	UBKT tỉnh ủy và tương đương	0													
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương	0													
	UBKT huyện ủy và tương đương	0													
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	0													
	UBKT đảng ủy cơ sở	0													
	Đảng ủy bộ phận	0													
	Chi bộ, Chi ủy	0													
D	NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 30/6/2025)														
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	0													
	UBKT tỉnh ủy và tương đương	0													
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương	0													
	UBKT huyện ủy và tương đương	0													
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	0													
	UBKT đảng ủy cơ sở	0													
	Đảng ủy bộ phận	0													
	Chi bộ, Chi ủy	0													
E	Cộng	0													

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

[illegible]

TT	Tổ chức đảng được kiểm tra	Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra	Cấp kiểm tra (tổ chức đảng)				Số ĐV bị THKL trong mốc thời gian kiểm tra		Đảng viên bị THKL do từng cấp quản lý				Số TCD bị THKL trong mốc thời gian kiểm tra		Kết luận						Kiến nghị sau kiểm tra					
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương ương	UBKT đảng ủy cơ sở	Tổng số đảng viên	Trong đó số ĐV có khiếu nại sau khi bị THKL	Cấp tỉnh và tương đương	Cấp huyện và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương	Chi bộ	Tổng số tổ chức đảng	Trong đó số TCD có khiếu nại sau khi bị THKL	Số tổ chức đảng làm tốt công tác THKL	Số tổ chức đảng chưa làm tốt công tác THKL	Số bị THKL không đúng thẩm quyền, nguyên tắc, thủ tục		Số bị THKL không đúng hình thức; vi phạm đến mức kỷ luật mà không THKL; bị oan, sai		Tăng hình thức kỷ luật		Giảm hình thức kỷ luật		Xóa kỷ luật	
																	Đảng viên	TCD	Đảng viên	TCD	Đảng viên	TCD	Đảng viên	TCD	Đảng viên	TCD
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	UBKT huyện ủy và tương đương	0					0																			
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	0					0																			
	UBKT đảng ủy cơ sở	0					0																			
	Chi bộ	0					0																			
E	Cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Đảng viên được giám sát	Tổng số đảng viên được giám sát	Cấp giám sát				Nội dung								Kết quả		
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT cấp cơ sở	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình	Việc chấp hành hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương	Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Về thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số đảng viên thực hiện tốt	Số đảng viên có vi phạm, khuyết điểm	Số đảng viên chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Chỉ ủy viên	0															
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Đảng	0															
	Hành chính, Nhà nước	0															
	Đoàn thể	0															
	Lực lượng vũ trang	0															
	Sự nghiệp công lập	0															
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	0															
	Các lĩnh vực khác	0															

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

[illegible]

[illegible]

TT	Tổ chức đảng được giám sát	Tổng số tổ chức đảng được giám sát	Cấp giám sát				Nội dung							Kết quả		
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT cơ sở	Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên	Việc ban hành và tổ chức thực hiện quy chế làm việc	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc ban hành các văn bản có dấu hiệu trái với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước	Việc thực hiện các kết luận, quyết định kiểm tra, giám sát và kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm	Công tác cán bộ	Khác	Số tổ chức đảng thực hiện tốt	Số tổ chức đảng có vi phạm, khuyết điểm	Số tổ chức đảng chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Đảng ủy bộ phận	0														
	Chi bộ, Chi ủy	0														
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng...)	0														
E	Cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

THÔNG KÊ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

(Kèm theo Báo cáo số ... - BC/TU ngày ... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 28

(ĐVT: lượt đảng viên)

TT	Đảng viên bị thi hành kỷ luật	Tổng số đảng viên bị thi hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật				Đình chỉ sinh hoạt đảng	Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy	Cấp THKL				Nội dung vi phạm										Xử lý pháp luật			Xử lý hành chính
			Kiến trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, cổ ý làm trái	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số lượng	Trong đó			
																							Bị phạt tù (kể cả án treo)	Hình thức khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
A NHIỆM KỶ 2010-2015																										
I	Cấp quản lý đảng viên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Trung ương	0																				0				
	Cấp tỉnh và tương đương	0																				0				
	Cấp huyện và tương đương	0																				0				
	Cấp cơ sở	0																				0				
II	Là cấp ủy viên các cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tỉnh ủy viên và tương đương	0																				0				
	Huyện ủy viên và tương đương	0																				0				
	Đảng ủy viên	0																				0				
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	0																				0				
	Chi ủy viên	0																				0				
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Đảng	0																				0				
	Hành chính, Nhà nước	0																				0				
	Đoàn thể	0																				0				
	Lực lượng vũ trang	0																				0				
	Sự nghiệp công lập	0																				0				
	SXKD, dịch vụ	0																				0				
	Lĩnh vực khác	0																				0				
IV	Bị THKL từ nhiệm vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Kiểm tra khi có DHVP	0																				0				
	Giải quyết tố cáo	0																				0				

TT	Đảng viên bị thí hành kỷ luật	Tổng số đảng viên bị thí hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật						Cấp THKL				Nội dung vi phạm										Xử lý pháp luật			Xử lý hành chính
			Khuyến trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh uỷ và tương đương	UBKT huyện uỷ và tương đương	UBKT đảng uỷ cơ sở	Những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp uỷ viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, cổ ý làm trái	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số lượng	Trong đó			
																							Bị phạt tù (kể cả án treo)	Hình thức khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
	Kiểm tra khi có DHVP	0																				0				
	Giải quyết tố cáo	0																				0				
	Kiểm tra tài chính đảng (thu chi NSNN và SXKD)	0																				0				
	Kiểm tra tài chính đảng (thu nộp, quản lý sử dụng ĐP)	0																				0				
	Khác (từ đề nghị của TCD cấp dưới, từ chỉ đạo của cấp trên giao...)	0																				0				
C	NHIỆM KỶ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)																									
I	Cấp quản lý đảng viên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Trung ương	0																				0				
	Cấp tỉnh và tương đương	0																				0				
	Cấp huyện và tương đương	0																				0				
	Cấp cơ sở	0																				0				
II	Là cấp uỷ viên các cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tỉnh uỷ viên và tương đương	0																				0				
	Huyện uỷ viên và tương đương	0																				0				
	Đảng uỷ viên	0																				0				
	Đảng uỷ viên đảng uỷ bộ phận	0																				0				
	Chi uỷ viên	0																				0				
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Đảng	0																				0				
	Hành chính, Nhà nước	0																				0				
	Đoàn thể	0																				0				
	Lực lượng vũ trang	0																				0				
	Sự nghiệp công lập	0																				0				
	SXKD, dịch vụ	0																				0				

TT	Đảng viên bị thi hành kỷ luật	Tổng số đảng viên bị thi hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật						Cấp THKL				Nội dung vi phạm										Xử lý pháp luật			Xử lý hành chính
			Khẩn trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, cổ ý làm trái	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số lượng	Trong đó			
																							Bị phạt tù (kể cả án treo)	Hình thức khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
	Lĩnh vực khác	0																				0				
IV	Bị THKL từ nhiệm vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Kiểm tra khi có DHVP	0																				0				
	Giải quyết tố cáo	0																				0				
	Kiểm tra tài chính đảng (thu chi NSNN và SXKD)	0																				0				
	Kiểm tra tài chính đảng (thu nộp, quản lý sử dụng ĐP)	0																				0				
	Khác (từ đề nghị của TCD cấp dưới, từ chỉ đạo của cấp trên giao...)	0																				0				
D	NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 30/6/2025)																									
I	Cấp quản lý đảng viên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Trung ương	0																				0				
	Cấp tỉnh và tương đương	0																				0				
	Cấp huyện và tương đương	0																				0				
	Cấp cơ sở	0																				0				
II	Là cấp ủy viên các cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tỉnh ủy viên và tương đương	0																				0				
	Huyện ủy viên và tương đương	0																				0				
	Đảng ủy viên	0																				0				
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	0																				0				
	Chi ủy viên	0																				0				
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Đảng	0																				0				
	Hành chính, Nhà nước	0																				0				
	Đoàn thể	0																				0				

TT	Đảng viên bị thi hành kỷ luật	Tổng số đảng viên bị thi hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật						Cấp THKL				Nội dung vi phạm										Xử lý pháp luật				
			Kiến trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ			Định chỉ sinh hoạt đảng	Định chỉ sinh hoạt cấp ủy	UBKT Trung ương	UBKT tỉnh uỷ và tương đương	UBKT huyện uỷ và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tu tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, cổ ý làm trái	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số lượng	Trong đó		Xử lý hành chính
																									Bị phạt tù (kể cả án treo)	Hình thức khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26		
	Lực lượng vũ trang	0																				0					
	Sự nghiệp công lập	0																				0					
	SXKD, dịch vụ	0																				0					
	Lĩnh vực khác	0																				0					
IV	Bị THKL từ nhiệm vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Kiểm tra khi có DHVP	0																				0					
	Giải quyết tố cáo	0																				0					
	Kiểm tra tài chính đảng (thu chi NSNN và SXKD)	0																				0					
	Kiểm tra tài chính đảng (thu nộp, quản lý sử dụng ĐP)	0																				0					
	Khác (từ đề nghị của TCD cấp dưới, từ chỉ đạo của cấp trên giao...)	0																				0					

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

(ĐVT: Tổ chức đảng)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Biểu 30

(ĐVT: lượt giải quyết tố cáo đảng viên)

[illegible]

TT	Đảng viên bị tố cáo	Cấp giải quyết	Nội dung tố cáo	Kết luận
1	Đảng viên bị tố cáo	Đã giải quyết xong	Đã thi hành kỷ luật	24
2		Cấp giải quyết	Đã thi hành kỷ luật	23
3			Đã thi hành kỷ luật	22
4			Đã thi hành kỷ luật	21
5			Đã thi hành kỷ luật	20
6			Đã thi hành kỷ luật	19
7			Đã thi hành kỷ luật	18
8			Đã thi hành kỷ luật	17
9			Đã thi hành kỷ luật	16
10			Đã thi hành kỷ luật	15
11	Cấp giải quyết	Đã thi hành kỷ luật	14	
12		Đã thi hành kỷ luật	13	
13		Đã thi hành kỷ luật	12	
14		Đã thi hành kỷ luật	11	
15		Đã thi hành kỷ luật	10	
16		Đã thi hành kỷ luật	9	
17		Đã thi hành kỷ luật	8	
18		Đã thi hành kỷ luật	7	
19		Đã thi hành kỷ luật	6	
20		Đã thi hành kỷ luật	5	
21	Cấp giải quyết	Đã thi hành kỷ luật	4	
22		Đã thi hành kỷ luật	3	
23		Đã thi hành kỷ luật	2	
24		Đã thi hành kỷ luật	1	
25		Đã thi hành kỷ luật	0	
26		Đã thi hành kỷ luật	0	
27		Đã thi hành kỷ luật	0	
28		Đã thi hành kỷ luật	0	
29		Đã thi hành kỷ luật	0	
30		Đã thi hành kỷ luật	0	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Đảng viên bị tố cáo	Đã giải quyết xong	Cấp giải quyết				Nội dung tố cáo										Kết luận						
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng	Về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng	Về thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao	Về phẩm chất đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, cổ ý làm trái	Đất đai, tài nguyên, khoáng sản, nhà ở, môi trường	Tài chính, ngân hàng, đầu tư, xây dựng, y tế, khoa học công nghệ	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Cho rút đơn, không xem xét giải quyết	Chưa có cơ sở kết luận	Tổ sai	Tổ đúng và đúng một phần	Trong đó		
																					Tổ đúng, có vi phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	Tổ đúng và đúng một phần	0																					
	Đúng có vi phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ luật	0																					
	Phải thi hành kỷ luật	0																					
	Đã thi hành kỷ luật	0																					
	GQ đúng thời gian quy định	0																					

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

Biểu 31

(ĐVT: Lượt giải quyết tố cáo Tổ chức đảng)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Tổ chức đảng bị tố cáo	Tổng số tổ chức đảng bị tố cáo đã giải quyết xong	Cấp giải quyết				Nội dung tố cáo								Kết luận					
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng	Đoàn kết nội bộ	Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Công tác cán bộ	Khác	Không xem xét, giải quyết	Chưa có cơ sở kết luận	Tổ sai	Tổ đúng và đúng một phần	Trong đó		
																		Tổ đúng, có vi phạm chưa đến mức phải kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Tổ đúng và đúng một phần	0																		
	Đúng có vi phạm chưa đến mức phải kỷ luật	0																		
	Phải thi hành kỷ luật	0																		
	Đã thi hành kỷ luật	0																		
	Giải quyết đúng thời gian quy định	0																		

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

Biểu 32

(ĐVT: Đồng viên)

[illegible]

[illegible]

TT	Đảng viên khiếu nại kỷ luật	Tổng số đã giải quyết xong	Cấp giải quyết				Nội dung khiếu nại			Kết luận								
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Nội dung vi phạm	Hình thức kỷ luật	Nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền	Cho rút đơn, không xem xét, giải quyết	Giữ nguyên hình thức kỷ luật	Thay đổi hình thức kỷ luật	Trong đó			Nguyên nhân thay đổi hình thức kỷ luật		
													Tăng hình thức kỷ luật	Giảm hình thức kỷ luật	Xoá kỷ luật	Vận dụng phương hướng, phương châm thi hành kỷ luật	Thẩm tra, xác minh	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tỉnh ủy và tương đương	0																
	BTV tỉnh ủy và tương đương	0																
	UBKT tỉnh ủy và tương đương	0																
	Huyện ủy và tương đương	0																
	BTV huyện ủy và tương đương	0																
	UBKT huyện ủy và tương đương	0																
	Đảng ủy cơ sở	0																
	UBKT Đảng ủy cơ sở	0																
	Chi bộ	0																
II	Cấp quản lý đảng viên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung ương	0																
	Cấp tỉnh và tương đương	0																
	Cấp huyện và tương đương	0																
	Cấp cơ sở	0																
	GQ đúng thời gian quy định	0																

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

THÔNG KÊ KIỂM TRA TÀI CHÍNH ĐẢNG (VỀ THU CHI NGÂN SÁCH VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH)

Biểu 33

(Kèm theo Báo cáo số - BC/TU ngày..... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Tổ chức đảng được kiểm tra	Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra	Cấp kiểm tra (ĐVT: TCD)				Nội dung kiểm tra (ĐVT: TCD)						Số TCD có vi phạm	Số cơ vi phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ luật	Số cơ vi phạm phải thi hành kỷ luật	Số cơ vi phạm đã thi hành kỷ luật	Đảng viên có vi phạm (ĐVT: đảng viên)				
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Tài chính của cấp ủy	Tài chính của đơn vị hành chính	Tài chính của đơn vị sự nghiệp	Sản xuất kinh doanh	Xây dựng cơ bản, sửa chữa, mua sắm tài sản	Các nội dung khác					Tổng số	Có vi phạm chưa đến mức phải kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật	Chuyển cơ quan pháp luật xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
A	NHIỆM KỲ 2010-2015																				
	Văn phòng Trung ương	0											0				0				
	Đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc của Trung ương	0											0				0				
	Doanh nghiệp của Đảng ở Trung ương	0											0				0				
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Cơ quan tài chính tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc của tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Doanh nghiệp của Đảng ở tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương	0											0				0				
	Cơ quan tài chính huyện ủy và tương đương	0											0				0				
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	0											0				0				
	Đảng ủy bộ phận, chi bộ trực thuộc	0											0				0				

TT	Tổ chức đảng được kiểm tra	Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra	Cấp kiểm tra (ĐVT: TCD)				Nội dung kiểm tra (ĐVT: TCD)						Số TCD có vi phạm	Số cơ sở vi phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ luật	Số cơ sở vi phạm phải thi hành kỷ luật	Số cơ sở vi phạm đã thi hành kỷ luật	Đảng viên có vi phạm (ĐVT: đảng viên)				
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Tải chính của cấp ủy	Tải chính của đơn vị hành chính	Tải chính của đơn vị sự nghiệp	Sản xuất kinh doanh	Xây dựng cơ bản, sửa chữa, mua sắm tài sản	Các nội dung khác					Tổng số	Có vi phạm chưa đến mức phải kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật	Chuyển cơ quan pháp luật xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
B	NHIỆM KỲ 2015-2020																				
	Văn phòng Trung ương	0											0				0				
	Đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc của Trung ương	0											0				0				
	Doanh nghiệp của Đảng ở Trung ương	0											0				0				
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Cơ quan tài chính tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc của tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Doanh nghiệp của Đảng ở tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương	0											0				0				
	Cơ quan tài chính huyện ủy và tương đương	0											0				0				
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	0											0				0				
	Đảng ủy bộ phận, chi bộ trực thuộc	0											0				0				
C	NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)																				
	Văn phòng Trung ương	0											0				0				
	Đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc của Trung ương	0											0				0				

TT	Tổ chức đang được kiểm tra	Tổng số tổ chức đang được kiểm tra	Cấp kiểm tra (ĐVT: TCD)				Nội dung kiểm tra (ĐVT: TCD)						Số TCD có vi phạm	Số cơ sở vi phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ luật	Số cơ sở vi phạm phải thi hành kỷ luật	Số cơ sở vi phạm đã thi hành kỷ luật	Đảng viên có vi phạm (ĐVT: đảng viên)				
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Tài chính của cấp ủy	Tài chính của đơn vị hành chính	Tài chính của đơn vị sự nghiệp	Sản xuất kinh doanh	Xây dựng cơ bản, sửa chữa, mua sắm tài sản	Các nội dung khác					Tổng số	Có vi phạm chưa đến mức phải kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật	Chuyển cơ quan pháp luật xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Doanh nghiệp của Đảng ở Trung ương	0											0				0				
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Cơ quan tài chính tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc của tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Doanh nghiệp của Đảng ở tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương	0											0				0				
	Cơ quan tài chính huyện ủy và tương đương	0											0				0				
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	0											0				0				
	Đảng ủy bộ phận, chi bộ trực thuộc	0											0				0				
D	NHIỆM KỶ 2020-2025 (Tính đến 30/6/2025)																				
	Văn phòng Trung ương	0											0				0				
	Đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc của Trung ương	0											0				0				
	Doanh nghiệp của Đảng ở Trung ương	0											0				0				
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Cơ quan tài chính tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				

TT	Tổ chức đảng được kiểm tra	Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra	Cấp kiểm tra (ĐVT: TCD)				Nội dung kiểm tra (ĐVT: TCD)						Số TCD có vi phạm	Số có vi phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ luật	Số có vi phạm phải thi hành kỷ luật	Số có vi phạm đã thi hành kỷ luật	Đảng viên có vi phạm (ĐVT: đảng viên)				
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Tài chính của cấp ủy	Tài chính của đơn vị hành chính	Tài chính của đơn vị sự nghiệp	Sản xuất kinh doanh	Xây dựng cơ bản, sửa chữa, mua sắm tài sản	Các nội dung khác					Tổng số	Có vi phạm chưa đến mức phải kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật	Chuyển cơ quan pháp luật xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc của tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Doanh nghiệp của Đảng ở tỉnh ủy và tương đương	0											0				0				
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương	0											0				0				
	Cơ quan tài chính huyện ủy và tương đương	0											0				0				
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	0											0				0				
	Đảng ủy bộ phận, chi bộ trực thuộc	0											0				0				

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

Biểu 34

Biểu 34

[illegible]

TT	Tổ chức đang được kiểm tra	Tổng số đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra (ĐVT: đảng viên)				Tổng số tổ chức đang được kiểm tra	Cấp kiểm tra (ĐVT: TCD)				Kết luận																
			UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở		UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Số tổ chức đang có vi phạm	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật	Số tiền vi phạm (ĐVT: triệu đồng)										Đảng viên có vi phạm (ĐVT: đảng viên)			
															Nội dung vi phạm					Đề nghị xử lý					Tổng số	Có vi phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
															Tổng số	Thu thiếu	Thu thừa	Tham ô, biến thủ	Chi sai chế độ	Khác	Xuất toán, thu hồi	Hạch toán lại	Giao đơn vị xử lý	Khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
I	Văn phòng Trung ương	0					0								0										0			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	0					0								0										0			
	Cơ quan tài chính tỉnh ủy và tương đương	0					0								0										0			
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương	0					0								0										0			
	Cơ quan tài chính huyện ủy và tương đương	0					0								0										0			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	0					0								0										0			
	Chi bộ, đảng bộ trực thuộc, Chi ủy	0					0								0										0			
D	NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 30/6/2025)																											
	Văn phòng Trung ương	0					0								0										0			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	0					0								0										0			
	Cơ quan tài chính tỉnh ủy và tương đương	0					0								0										0			
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương	0					0								0										0			
	Cơ quan tài chính huyện ủy và tương đương	0					0								0										0			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	0					0								0										0			
	Chi bộ, đảng bộ trực thuộc, Chi ủy	0					0								0										0			
E	Cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Lưu ý: Ngoài số liệu báo cáo từ năm 31/12/2010 đến 31/12/2023 theo biểu mẫu trên, các cấp ủy trực thuộc TW tiếp tục cập nhật, báo cáo Tiểu Ban số liệu thống kê thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 30/6/2025.

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)